

VĂN CHƯƠNG ĐỐI KHÁNG TRƯỜNG HỢP NHÂN VĂN-GIAI PHẨM

Trần Gia Phụng

Nhân Văn-Giai Phẩm là tên của hai đặc san xuất bản vào đầu năm 1956 tại Hà Nội, đã đăng những bài báo bị chế độ cộng sản kết án là đối kháng và không chấp nhận sự “lãnh đạo văn nghệ” của đảng... Chẳng những hai đặc san này bị đóng cửa mà các tác giả bị đầu tố, kết án và có người không chịu khuất phục nên bị tù giam suốt đời. Để hiểu rõ câu chuyện, hãy thử bắt đầu từ tổng quan hoàn cảnh nảy sinh ra vụ án văn chương đối kháng này.



I.- TỔNG QUAN

1.- CHÍNH SÁCH VĂN HÓA CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chế độ cộng sản Việt Nam là chế độ độc tài toàn trị, theo mẫu mực của chế độ cộng sản Liên Xô và cộng sản Trung Hoa, tức độc tài về mọi mặt, mọi sinh hoạt, như chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, tôn giáo, tư tưởng, thông tin, báo chí...

Về giáo dục, chính sách giáo dục của Việt Minh do Nguyễn Khánh Toàn (1905-1993) đưa về từ Liên Xô. Nguyễn Khánh Toàn là thứ trưởng bộ giáo dục trong chính phủ Việt Nam ngày 3.11.1946. Tuy chỉ là thứ trưởng, nhưng Nguyễn Khánh Toàn nắm thực quyền trong bộ giáo dục, còn bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên chỉ làm bù nhìn mà thôi. Nguyễn Khánh Toàn, có tên Nga là Minin, đã tông học tại Học viện thợ thuyền Đông phương (Université des Travailleurs d'Orient) ở Moscow (Liên Xô) từ năm 1928 đến năm 1931.

Nguyễn Khánh Toàn ứng dụng triết lý giáo dục của Liên Xô, gọi là “giáo dục phục vụ nhân dân” hay “giáo dục phục vụ chính trị”. Đó là nền giáo dục nhằm mục đích trên lý thuyết là phục vụ nhân dân, phục vụ công nhân lao động, nhưng trên thực tế là phục vụ chính trị, tức phục vụ chế độ do đảng cộng sản lãnh đạo. (1)

Giáo dục học đường nhắm mục đích phục vụ chính trị, phục vụ chế độ, thì chính sách văn hóa cũng không ngoài mục đích này. Khi chiến tranh xảy ra vào cuối năm 1946, dựa vào lý do phục vụ công cuộc kháng chiến chống Pháp, Việt Minh kiểm soát chặt chẽ tất cả các sinh hoạt văn hóa. Sách báo, thơ nhạc, kịch nghệ ở vùng Việt Minh rất hạn chế, chỉ xoay quanh chủ đề kháng Pháp, chiến thắng giặc “Tây”, và chủ đề nông nghiệp. Những nội dung lãng mạn bị hạn chế, bị kiểm điểm và dần dần hầu như bị cấm đoán.

Sau hiệp định Genève (20.7.1954), đất nước bị chia hai ở sông Bến Hải, ngang qua vĩ tuyến 17. Đảng lao động và Hồ chí Minh cai trị phía Bắc (Bắc Việt). Hồ chí Minh tiếp tục chính sách kiểm soát văn hóa, giới hạn các sinh hoạt văn hóa trong đường lối đảng.

Cần chú ý là cộng sản chỉ xem hiệp định Genève (20.7.1954) là cơ hội tạm thời hưu chiến, nghỉ dưỡng sức, và cài người ở lại miền Nam, “trường kỳ mai phục”, chuẩn bị tiếp tục chiến tranh chống miền Nam. (2) Sau năm 1954, để chuẩn bị gởi quân xâm lăng miền Nam, cộng sản Bắc Việt tìm cách ổn định tuyệt đối hậu cứ ở miền Bắc.

Lúc cộng sản mới tiếp thu miền Bắc, về phương diện chính trị, Hồ chí Minh và đảng lao động quyết áp đặt trên toàn miền Bắc chế độ độc tài đảng trị theo chủ thuyết Mác-Lê, khác hẳn với truyền thống văn hóa và chính trị của người Việt từ

Về trị an xã hội, tháng 9.1955, nhà nước cộng sản ra lệnh “quản lý hộ khẩu”, theo bài bản của Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tất cả công dân đều phải có sổ hộ khẩu [sổ gia đình] do công an địa phương cấp. Sổ hộ khẩu buộc chặt người dân ở yên một chỗ, rất khó xin chuyển đổi nơi cư trú. Nhà cầm quyền cộng sản dùng sổ hộ khẩu kiểm soát dân chúng, bắt lính dễ dàng. Không một thanh niên nào dám trốn tránh “nghĩa vụ quân sự”, vì nếu không thi hành chính sách của nhà nước, sổ hộ khẩu sẽ bị tịch thu, thì gia đình sẽ không còn cách gì làm ăn sinh sống được nữa.

Về kinh tế, đảng lao động theo con đường kinh tế chỉ huy của Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Trước hết, cộng sản Việt Nam nhắm ngay đến thành phần đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam là nông dân. Cộng sản tiếp tục thi hành Cuộc Cải Cách Ruộng Đất đợt 5 từ tháng 6.1955 cho đến tháng 7.1956, một cách gay gắt sát máu hơn các cuộc cải cách trước, tổ chức đấu tố rừng rợn, hủy hoại cấu trúc hạ tầng cơ sở, triệt hạ toàn bộ các hào mục lãnh đạo xã thôn cũ để thay bằng lớp cán bộ cộng sản mới. Cuộc Cải Cách Ruộng Đất lần này giết hại 172,008 người. (3)

Tại thành phố, đối với các ngành sản xuất và thương mại, nhà nước cộng sản cho thi hành kế hoạch công tư hợp doanh. Dưới chế độ cộng sản, công tư hợp doanh có nghĩa là tư nhân đưa tài sản riêng của mình, tức là cơ sở riêng mình đang đầu tư, vào hợp doanh với nhà nước. Tất cả mọi doanh gia đều phải vào công tư hợp doanh. Ngày 24.11.1955, ban bí thư trung ương đảng lao động ra lệnh thiết lập hợp tác xã mua bán ở nông thôn và hợp tác xã tiêu thụ ở các thành phố, (4) nắm toàn bộ việc lưu thông và phân phối hàng hóa trong cả nước.

Về phương diện thông tin và văn hóa, ngay khi vừa về Hà Nội ngày 15.10.1954, Hồ chí Minh và nhà cầm quyền cộng sản đưa ra một số quy định nghiêm cấm báo chí trong tháng 10.1954, đại để là: “Không được chống chính phủ và chế độ, không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn, không được nói xấu các nước bạn, không được tiết lộ các bí mật quân sự, không được đăng bài vở có phương hại đến thuần phong mỹ tục”. (5) Đây là bước đầu quản lý văn hóa tư tưởng giới trí thức văn nghệ sĩ thành phố.

2.- TÂM TÌNH GIỚI TRÍ THỨC VÀ VĂN NGHỆ SĨ BẮC VIỆT SAU 1954

Giới trí thức và văn nghệ sĩ chân chính là những người nhạy bén trước những hiện tượng xã hội và chính trị, nhất là vấn đề tự do dân chủ. Trong thời gian chiến tranh, giới trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc sống phân tán khắp nơi. Vì tinh thần đoàn kết, vì lý tưởng dân tộc, trong thời gian chiến tranh, các trí thức, văn nghệ sĩ đều nhẫn nhục, chấp nhận đặt mình vào kỷ luật, để cùng nhau đoàn kết chống Pháp. Cần chú ý, trước khi theo Việt Minh, họ là những người đã từng sinh sống ở các thành phố và hấp thụ tinh thần tự do dân chủ của nền văn hóa Pháp.

Sau khi hòa bình được tái lập, giới trí thức và văn nghệ sĩ tập trung về Hà Nội, nên có cơ hội gặp nhau để bàn bạc, trao đổi kinh nghiệm, và so sánh những hứa hẹn của Hồ chí Minh và đảng lao động trước kháng chiến với thực tại xã hội mới sau năm 1954. Dưới chế độ mới của cộng sản Hà Nội, người nghệ sĩ chẳng những cảm thấy cay đắng vì bất công xã hội, mà còn bị mất tự do, nhất là tự do tư tưởng và sáng tác. Họ bị bắt buộc phải theo sát giáo điều Mác xít và đường lối chính sách của nhà nước, đến nỗi có người đã phát biểu: “Hai năm hòa bình, chúng ta thấy nhiều nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buộc chặt vào địa vị, bằng những sợi lụa có

Chính lối viết văn như thông cáo, làm thơ theo chỉ thị, đã gây dị ứng nơi những văn nghệ sĩ chân chính, nhất là khi đọc những bài thơ đại loại như:

*“...Sta-lin! Sta-lin!
Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng, con gọi Sta-lin! ...”*

(Tố Hữu, “Đời đời nhớ ông”, viết năm 1953) (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 200)

Hoặc:

*“...Mẹ xưa chăm cháo, chăm cơm,
Đảng nay nuôi nấng còn hơn mẹ hiền.
Bệnh từ đời cũ liên miên,
Đảng trong thức ngủ chăm liên sớm hôm...”*
(Xuân Diệu, “Trước đây bốn tháng”, viết năm 1953) (7)

Trước tình hình như vậy, thi sĩ Hữu Loan nhận xét:

*“...Một điều đau xót,
Trong chế độ chúng ta
Trong chế độ “Dân Chủ Cộng Hòa”
Những thằng nịnh hót còn thênh thang đất sống...”*
(“Cùng những thằng nịnh hót”) (8)

Trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trên Giai Phẩm Mùa Thu, Tập 1 (Hà Nội, 1956), Phan Khôi chia giới văn nghệ sĩ lúc đó ở Bắc Việt thành hai giai cấp rõ rệt: Đó là “lãnh đạo văn nghệ” và “quần chúng văn nghệ”.(9) “Lãnh đạo văn nghệ” còn được gọi là những “ông quan văn nghệ” gồm những người viết văn theo lệnh đảng lao động, được đảng tin cậy và giao phó nhiệm vụ chỉ huy nền văn nghệ cộng sản.

Đứng đầu những “ông quan văn nghệ” là Tố Hữu, ủy viên trung ương đảng, Trưởng ban tuyên huấn trung ương. Thứ đến là những người đã giác ngộ sâu sắc sau phong trào chỉnh huấn, ngoan ngoãn vâng lệnh đảng lao động, và được lãnh đạo đảng tin dùng, như Hoàng xuân Nhị, Hoài Thanh (Nguyễn đức Nguyên), Nguyễn đình Thi, Nguyễn Chương, Hồng Chương, Hà xuân Trường, Chính Hữu, Như Phong (Nguyễn Minh Cầm, sách đã dẫn, trang 83). Ngoài ra, phải kể thêm Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Thế Lữ. Nguyễn Tuân đã có lần can đảm tuyên bố một cách chua chát: “Tao còn sống đến bây giờ là còn biết sợ!” (10)

“Quần chúng văn nghệ” là những thành phần còn lại, yêu nước và yêu tự do dân chủ, không muốn bị gò bó trong khuôn khổ giáo điều và sự quản lý chỉ đạo của “lãnh đạo văn nghệ”. Thành phần quần chúng văn nghệ đông đảo hơn và hăng say tranh đấu cho tự do sáng tác. Họ không thể viết thẳng ra, nên chỉ nói bóng gió như Văn Cao trong bài thơ dài “Những Người Trên Cửa Biển”, đăng trên Giai Phẩm Mùa Thu tập 2, Hà Nội, tháng 10.1956:

*“...Những con bạch tuộc
Bao nhiêu tay chân gìm chết một con người
Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày
Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm trong cuống
Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỗi dân sức vỡ đất khai hoang
Làm rỗng những con người, lụi dần niềm hy vọng*

Héo dần mầm sáng tạo, mất phẩm giá con người....”

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 225.)

3.- NHỮNG NHÀ VĂN ĐỘNG

Trước khi những văn nghệ sĩ Hà Nội thực sự cùng nhau bắt tay vào việc tranh đấu đòi hỏi tự do văn nghệ năm 1956, đã có nhiều nhà hoạt động văn hóa vận động, yểm trợ và thúc đẩy các văn nghệ sĩ trong việc đưa ra tiếng nói trung thực của mình để phản kháng chế độ cộng sản can thiệp thô bạo vào nền tự do tư tưởng. Đó là Nguyễn Hữu Đang, Thụy An Lưu Thị Yến, Trần Thiếu Bảo, Hoàng Cầm và Trần Dần.

Nguyễn Hữu Đang quê ở Thái Bình, tham gia những phong trào ái quốc rất sớm. Trước năm 1942, ông hoạt động trong phong trào “Truyền bá quốc ngữ”. Có thể trong thời gian này, ông đã tiếp xúc với Việt Minh nên được Việt Minh phân công tham gia “Hội văn hóa cứu quốc” năm 1942. Khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, tại Hà Nội, ông rất có uy tín trong giới trí thức, văn nghệ sĩ Hà Nội. Ông là trưởng ban tổ chức ngày lễ 2.9.1945 của Việt Minh tại Hà Nội, (11) và sau đó đã giữ chức thứ trưởng một bộ trong chính phủ Hồ chí Minh. (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 77).

Nguyễn Hữu Đang gia nhập đảng cộng sản năm 1947, lúc đó đảng này hoạt động trong vòng bí mật, nhưng ông lại ra khỏi đảng năm 1951, và bắt đầu lên tiếng đả kích những sai trái của đảng. (12) Trong thời gian ở Thanh Hóa khoảng 1952-1953, Nguyễn Hữu Đang làm tổng thanh tra bình dân học vụ. Sau năm 1954, trung ương đảng lao động cho xe vào Thanh Hóa mời Nguyễn Hữu Đang ra Hà Nội, muốn nhận chức bộ trưởng nào thì nhận, mời sinh hoạt đảng trở lại, nhưng ông Đang đều khước từ. (13)

Nguyễn Hữu Đang là người đứng ra tập hợp anh em, vận động ra báo. Trong vụ Nhân Văn, Nguyễn Hữu Đang lo việc quyên góp tài chánh, chạy mua giấy in, sắp đặt chuyện ấn hành, lại còn viết nhiều bài ký tên khác. Cách gây quỹ của ông rất khéo léo nên được nhiều người ủng hộ. Trong đợt học tập của các trí thức và văn nghệ sĩ từ ngày 1.8 đến 18.8.1956 ở Hà Nội, Nguyễn Hữu Đang đọc một bài tham luận mạnh mẽ, đả kích đường lối lãnh đạo văn nghệ của đảng lao động.

Trần Thiếu Bảo: Nguyễn Hữu Đang quen thân với Trần Thiếu Bảo từ trước 1945. Trần Thiếu Bảo thuộc một gia đình giàu có ở Thái Bình. Ông mở nhà sách Minh Đức, vì vậy người ta còn gọi là ông Minh Đức. Sau nhà sách biến thành nhà xuất bản. Nhà xuất bản này cùng chủ lên chiến khu cho đến năm 1954 mới trở về Hà Nội.

Trong năm 1956, nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiếu Bảo đã đứng ra ấn hành các Giai Phẩm gồm có Giai Phẩm 1956 (sau này gọi là Giai Phẩm Mùa Xuân) Giai Phẩm Mùa Thu 1, 2 và 3, Giai Phẩm Mùa Đông, báo Nhân Văn từ số 1 đến số 6 (bị đóng cửa khi còn đang in), và Giai Phẩm Đất Mới (của sinh viên Đại Học Hà Nội, ra một số thì bị đình bản).

Thụy An Lưu Thị Yến là một nữ văn sĩ kỳ cựu, đã từng cộng tác với báo Phụ Nữ Tân Văn, (14) và là tác giả của tiểu thuyết Một Linh Hồn, mà theo nhà phê bình Vũ Ngọc Phan trong sách Nhà Văn Hiện Đại: “Một Linh Hồn đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước cho đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, lại xây dựng một cách vững vàng chắc chắn.” (15)

Thụy An thường đến sinh hoạt ở hội nhà văn, gặp gỡ nhiều văn nghệ sĩ. Bà là một nữ văn sĩ lớn tuổi kỳ cựu, trải qua nhiều trào lưu chính trị, có nhiều kinh nghiệm sống thực tế, lại rất hào phóng giúp đỡ anh em trong lúc khó khăn, nên bà được nhiều người quý mến. Bà phản đối chế độ cộng sản đã bản cùng hóa nhân dân, và bà khuyến khích giới văn nghệ nói lên tiếng nói lương tâm. Sau vụ Nhân Văn-Giai

Hoàng Cầm: Người đầu tiên vận động đòi hỏi tự do văn nghệ ngay từ lúc còn ở trong chiến khu có lẽ là Hoàng Cầm. Năm 1950, trong một hội nghị văn công tổ chức ở Việt Bắc, Hoàng Cầm, lúc đó phụ trách đoàn văn công quân đội khu Việt Bắc, đã phát biểu: “Đảng không nên nhúng tay vào chuyên môn của nghệ thuật”. Về Hà Nội sau khi hòa bình tái lập năm 1954, tuy được cử làm đoàn trưởng đoàn kịch tổng cục chính trị trong quân đội, Hoàng Cầm vẫn tiếp tục đòi hỏi tự do cho giới văn nghệ. Ông cùng với Trần Dần quyết tranh đấu cho việc cởi trói văn nghệ, nhưng thất bại nên ông xin ra khỏi quân đội và từ nhiệm. (16)

Trần Dần (1926-1997): Trần Dần sinh năm 1924 tại Nam Định, theo kháng chiến chống Pháp, vào bộ đội rồi vào đảng lao động. Ông phụ trách tuyên truyền, điều khiển đoàn văn công. Năm 1951, ông đổi qua viết báo cứu quốc và giảng dạy về văn nghệ nhân dân và chính sách lãnh đạo văn nghệ của đảng trong các lớp đào tạo văn công.

Ông bị cấp trên phê bình giảng sai đường lối. Ông lại ra tiền tuyến, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Cảm xúc trước sự hy sinh lớn lao của những đồng đội trong trận Điện Biên Phủ, Trần Dần sáng tác quyển ký sự Người Người Lốp Lốp. Nhờ sách này, sau khi hòa bình được tái lập năm 1954, Trần Dần được cử sang Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa để viết lời dẫn truyện bằng tiếng Việt cho phim “Chiến thắng Điện Biên Phủ”, do cộng sản Việt Nam diễn lại, cán bộ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thu hình, và mang về Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thu âm. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 98-99).

Trong chuyến công tác này, một viên cán bộ chính trị được đảng lao động gửi theo kèm Trần Dần. Đáng lẽ chỉ làm công việc cổ vắn cho đúng đường lối đảng, y chỉnh lại bài viết của Trần Dần từng lời, từng chữ, đôi khi còn đọc cho Trần Dần viết. Trần Dần đưa vấn đề lên cấp trên xin giải quyết, nhưng lãnh đạo trả lời rằng cán bộ chính trị có quyền quyết định mọi việc. Điều này khiến Trần Dần rất bất mãn, và xin ngưng viết thuyết minh cho phim.

Trước khi trở về Việt Nam, Trần Dần đọc được lá thư của nhà văn Trung Quốc là Hồ Phong gửi ủy ban trung ương đảng cộng sản Trung Quốc vào tháng 7.1954. (17) Hồ Phong phản đối “năm nhát dao” mà đảng găm vào não trạng những nhà văn cách mạng. Đó là: “Ý hệ cộng sản cưỡng bách, cảm hứng chỉ rút ra từ đời sống công nhân và nông dân, giáo dục lại và cải tạo ý hệ, hình thức do đảng áp đặt, và đề tài do đảng quy định.” (18) Từ đó, Trần Dần luôn luôn bị ám ảnh bởi vấn đề tương quan giữa nghệ thuật và chính trị, nên khi trở về Việt Nam, Trần Dần tích cực vận động đòi hỏi nền tự do văn nghệ ở đất Bắc thời bấy giờ.

Chính do những vận động và hỗ trợ của các nhân vật trên đây, từ Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiều Bảo, đến Thụy An Lưu Thị Yến, và nhất là Trần Dần trong giới văn nghệ sĩ, đã đưa đến sự bùng nổ của vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm.

CHÚ THÍCH

1.- Phỏng vấn các giáo sư lớn tuổi đã tham gia công việc giáo dục thời Việt Minh vào năm 1945. Bản thân người viết đã nói chuyện với các cán bộ giáo dục cộng sản sau năm 1975 tại Đà Nẵng, và được nghe kể rằng chủ thuyết giáo dục này do bộ trưởng Liên Xô là Kalenikov (?) đưa ra.

2.- Trước khi hiệp định Genève được ký kết ngày 20.7.1954, Châu Ân Lai đã mời (gọi) Hồ chí Minh qua Liễu Châu họp từ ngày 3 đến ngày 5.7.1954, để truyền đạt quyết định của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Ngoài việc yêu cầu Việt Minh nên

- 3.- Đặng Phong, Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000, Tập 2, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 2005, trang 85.
- 4.- Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963, Houston: Nhà xuất bản Văn Hóa, 2000, trang 79.
- 5.- Hoàng Văn Chí, Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, Sài Gòn: Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, 1959, trang 31.
- 6.- Phát biểu của Thi Sĩ Hoàng Huế gởi đại hội văn nghệ toàn quốc, đăng trên Giai Phẩm Mùa Xuân, Hà Nội, 1956. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 11, 12.)
- 7.- Nghiêm Kế Tổ, Việt Nam Máu Lửa, California: Xuân Thu, tái bản 1989, trang 430.
- 8.- Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2, Hà Nội 1956. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 245.)
- 9.- Phan Khôi, “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ”. (Hoàng Văn Chí đăng lại, sách đã dẫn, từ trang 59-72.)
- 10.- Tuyển Tập Trăm Hoa Vĩ Nở Trên Quê Hương, California: Nhà xuất bản Lê Trần, 1990, trang 20, bài của Thân Trọng Mẫn: “Từ Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm đến Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng 1986-1989”.
- 11.- Nguyễn Minh Cần, Công Lý Đòi Hỏi, California: Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1997, trang 57.
- 12.- Thụy Khuê, “Hò Sơ Nhân Văn-Giai Phẩm”,
- 13.- Nguyễn Văn Trấn, Viết Cho Mẹ và Quốc Hội, California Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1995, trang 278.
- 14.- Phụ Nữ Tân Văn: Thành lập tại Sài Gòn năm 1929 do Phan Khôi làm Chủ Bút. Năm 1932, báo tạm đình bản vì lý do tài chánh. Năm 1935 báo tục bản cho đến 1939.
- 15.- Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại [gồm 5 tập, đánh số trang từng tập], Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942, quyển 4, tập hạ, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, in lại thành 2 tập, đánh số trang liên tục, trang 1119.
- 16.- Nguyễn Hưng Quốc, Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản, California: Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1991, trang 148.
- 17.- Hồ Phong (Hu Feng, 1903-1985), người Trung Hoa, là nhà phê bình văn học, nhà thơ, nhà luận văn, dường như không gia nhập đảng cộng sản. Ông là một người Mác xít độc lập và có nhiều ảnh hưởng, thường dự vào những cuộc tranh luận tư tưởng lớn với giới cộng sản chính thống trong suốt hai thập niên 30 và 40. Ông tin rằng giá trị văn học đứng trên ý hệ và chính trị, những nhân vật văn học có tính cách phổ quát, không khuôn sáo, và văn chương có thể mô tả mọi người chứ không nhất thiết một giai cấp nào đó. Năm 1949, khi cộng sản nắm quyền ở Trung Hoa, đầu ông giữ nhiều chức vụ trong ngành văn hóa, ông không bao giờ chịu uốn theo đường lối chính thống. Ông bị tố cáo phản cách mạng và bị cầm tù từ 1955 đến 1981 mới được thả ra và được phục hồi danh dự.

18.- Georges Boudarel, Cent fleurs écloses dans la nuit du Viet Nam, communisme et dissidence 1954-1956 [Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam, Cộng Sản và Ly Khai 1954-1956], Éditions Jacques Bertoin, Paris, 1991, trang 58. Nguyên văn: “Hu Feng y critique les “cinq poignards” plongés dans le cerveau des écrivains révolutionnaires: “Idéologie communiste obligatoire, inspiration uniquement tirée de la vie des ouvriers et des paysans, rééducation et réforme idéologique, formes imposées par le parti, sujets fixés par le parti.”

II.- CUỘC ĐỐI KHÁNG

1. NHỮNG BIẾN CỐ DẪN ĐƯỜNG

Trần Dần không bao giờ quên những gì ông đọc được trong lá thư của Hồ Phong. Lúc đầu, ông cùng một số văn hữu trong quân đội như Hoàng Cầm,...Tử Phác, Đỗ Nhuận, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, sau đó vào cuối năm 1954, nhiều nhà văn khác cùng tham gia, soạn thảo một “bản đề nghị chính sách văn hóa”. Bản đề nghị này được đưa lên các cấp lãnh đạo vào đầu năm 1955.

Bản đề nghị xoay quanh ba điểm:

Thứ nhất, trả văn học nghệ thuật cho văn nghệ sĩ.

Thứ hai, thành lập một tổ chức văn học nghệ thuật trong quân đội, tổ chức này liên hệ trực tiếp với hội văn nghệ trung ương, không cần phải thông qua bộ phận thông tin tuyên truyền của tổng cục chính trị.

Thứ ba, loại bỏ những quy định quân sự hiện hành trong tổ chức văn học nghệ thuật quân đội. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 32, 88).

Những ý kiến đề nghị của các văn nghệ sĩ trên đây cho thấy, lúc đó họ vẫn chấp nhận sự lãnh đạo của đảng lao động, nhưng lại yêu cầu đảng lao động thay đổi cách quản lý văn nghệ trong quân đội, đừng can thiệp vào công cuộc sáng tác của nhà văn. Những ý kiến này được nhiều viên chức cao cấp trong đảng và quân đội chia sẻ, đặc biệt có Đại Tá Lê Liêm, chính ủy mặt trận Điện Biên Phủ, cùng các Tướng Trần Độ, Lê quang Đạo. Tuy nhiên, một nhân vật quan trọng trong quân đội lúc đó, Tướng Nguyễn chí Thanh, ủy viên bộ chính trị đảng lao động từ 1951, chủ nhiệm tổng cục chính trị, phản đối kịch liệt và loại bỏ ngay bản đề nghị này (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 254-255).

Bản đề nghị sửa đổi cách lãnh đạo văn nghệ còn đang được dư luận bàn tán, thì xảy ra việc thơ Tố Hữu bị đả kích. Tố Hữu (1920-2002), người Thừa Thiên, tên thật là Nguyễn kim Thành, gia nhập đảng cộng sản Đông Dương năm 1938. Ông là một trong những người cầm đầu cuộc cướp chính quyền tại Huế năm 1945, và được bầu làm ủy viên trung ương đảng năm 1951. Từ lúc đó, ông làm trưởng ban tuyên giáo [tuyên truyền và giáo dục] trung ương, nắm trong tay vận mạng nền văn hóa, văn nghệ của Bắc Việt. Thơ ông nặng tính tuyên truyền, hết mình ca ngợi các nước cộng sản và các lãnh tụ cộng sản như Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh.

Ngày 4.3.1955, tại Hà Nội diễn ra cuộc họp các văn nghệ sĩ để phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, ấn hành vào cuối năm 1954 với số lượng lớn lao là 20,000 bản. (19) Trong khi các văn thi sĩ nhà nước đua nhau ca tụng Tố Hữu thì Trần Dần, Hoàng Cầm, Hoàng Yến, Lê Đạt (tên thật là Đào Công Đạt) lại đưa ra những điểm yếu kém của thơ Tố Hữu. Trần Dần nhận xét rằng thơ Tố Hữu “nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại, và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hóa lãnh tụ”. (20) Lời bình phẩm này chẳng những chê bai Tố Hữu mà còn



Theo Hoàng Cầm viết trên báo Văn Nghệ, Hà Nội, số 67, thơ Tố Hữu “giống như một vại nước to, đầy tràn, pha loãng một màu sữa. Loãng quá, tôi thêm một cốc dù nhỏ thôi nhưng chan chứa những chất nuôi sống một tâm hồn.”(Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 146). Còn Lê Đạt, trên báo Văn Nghệ số 68 thì cho rằng: “Thơ Tố Hữu đứng về một phương diện nào mà nói là thơ có ích. Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ công tác chính trị...Thơ Tố Hữu là những bài học chính sách tốt. Nhưng những bài học chính sách tốt chưa phải là đã hiện thực, đã công nông. Vấn đề nội dung, tôi nhắc lại, căn bản là cái điệu tâm hồn của tác giả.”

(Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 146)

Điều này chẳng những làm cho Tố Hữu, mà cả các cán bộ lãnh đạo văn nghệ giật dử, đến nỗi có người đã thốt ra: “Địch nó không mong gì hơn chúng ta chê thơ Tố Hữu”. (21)

Trong lúc đó, Trần Dần lại đang lẩn cán vụ cưới vợ. Trần Dần yêu và muốn kết hôn với cô K., một người theo Ky-Tô Giáo, con của một gia đình giàu có ở Hà Nội đã di cư vào Nam. Cô K. sống nhờ vào tiền cho thuê nhà do cha mẹ để lại, nên bị xếp vào thành phần bóc lột. Đảng lao động không chấp thuận cuộc hôn nhân này. Trần Dần khuyên người yêu giao nhà cửa của cha mẹ cho “Ban quản lý tài sản của những người vắng mặt”, chịu sống cực khổ để có thể cùng nhau lập gia đình. Dầu vậy, đảng lao động cũng không cho phép. Trần Dần cứ mặc nhiên đến Phố Sinh Từ, nơi có nhà cô K., sống chung với người yêu. Cộng sản liền thuyền chuyển ông lên Việt Bắc. Viện có đau yếu, Trần Dần xin nghỉ việc, bỏ về Hà Nội và nạ đơn xin ra khỏi đảng lao động cũng như ra khỏi quân đội vào giữa tháng 5.1955 (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 126).

Đảng lao động quyết định khai trừ Trần Dần, nhưng quân đội giữ ông lại, vì sợ rằng khi trở về đời sống dân sự, ông sẽ gây nhiều tai tiếng nguy hại hơn. Trần Dần bị bắt giam trong ba tháng (lần thứ nhất), từ tháng 7 đến tháng 9.1955 thì được thả ra với bản án kỳ lạ “cấm sáng tác” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 18). Trong thời gian bị giam (lần thứ nhất), ông sáng tác bài thơ dài trên 300 câu nhan đề “Nhất Định Thắng”, và ông đã giao bài thơ này cho Lê Đạt khi ra khỏi tù. (Bài thơ này là đề tài để cộng sản tố khổ Trần Dần).

Để chỉnh đốn tư tưởng Trần Dần, người ta gọi ông về nông thôn quan sát cuộc Cải Cách Ruộng Đất. Trần Dần lợi dụng cơ hội này, về thăm người yêu và liên lạc với các văn thi hữu như Lê Đạt, Hoàng Cầm, sửa soạn và hỏi thúc ra mắt Giai Phẩm 1956 (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 128, 132).

Một sự kiện gây xôn xao dư luận văn nghệ, có tính châm biếm cán bộ văn hóa nhà nước, liên quan đến nhà văn lão thành Phan Khôi (1887-1960). Đầu năm 1956, người ta giao cho Phan Khôi dịch một quyển sách từ tiếng Pháp qua tiếng Việt. Trong sách có chữ “pomme de terre”. Phan Khôi dịch chữ đó là “khoai nhạc ngựa”. Khi phê bình sách này, báo cứu quốc, cơ quan tuyên truyền của đảng lao động, chê Phan Khôi già nua, lảm cẩm và dịch sai. Tác giả bài phê bình viết rằng chữ “pomme de terre” phải dịch là “khoai tây”, sao lại dịch thành “khoai nhạc ngựa” ?

Phan Khôi trả lời đại ý như sau: Ai cũng biết “pomme de terre” là “khoai tây”, nhưng lâu nay cán bộ phụ trách cấm ông dùng chữ “tây” và chữ “Tàu”. Ví dụ khi ông dùng chữ “đường tây” thì bị sửa lại là “đường kính”, khi ông viết “chè Tàu” thì bị sửa thành “chè Trung Quốc”, “thịt kho Tàu” thì đổi thành “thịt kho Trung Quốc”. Do đó, để chiều ý lãnh đạo, lần này, chữ “pomme de terre”, ông không dịch là “khoai tây”, mà

dịch là “khoai nhạc ngựa”, vì tiếng Trung Quốc gọi là “mã linh thụ”.(22) Lối viết thật là thâm thúy mà không thể bắt bẻ được.

Những sự kiện này là những triệu chứng đầu tiên về một cuộc phản kháng lớn hơn sẽ diễn ra ngay sau đó, với sự xuất hiện của Giai Phẩm 1956 hay Giai Phẩm mùa Xuân.

2.- GIAI PHẨM XUẤT HIỆN

GIAI PHẨM 1956: Nhân dịp Tết Nguyên Đán năm Bính Thân (1956), vào đầu tháng 2.1956, tại Hà Nội xuất hiện đặc san Giai Phẩm 1956 do nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiếu Bảo ấn hành. (23) (Giai Phẩm này về sau được gọi là Giai Phẩm Mùa Xuân, vì cũng trong năm 1956 xuất hiện thêm các Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 3, và Giai Phẩm Mùa Đông.)



Đây là một tập hợp sáng tác của các văn nghệ sĩ không chấp nhận sự “lãnh đạo văn nghệ”, thuộc thành phần đối kháng với nhà cầm quyền cộng sản. Giai phẩm này được đánh dấu bằng ba bài quan trọng là “Cái Chổi Quét Rác Rưởi” của Phùng Quán, “Ông Bình Vôì” (thơ) của Lê Đạt, và “Nhất Định Thắng” (thơ) của Trần Dần.

Phùng Quán (1932-1995), nguyên quán Thừa Thiên, cháu gọi Tố Hữu bằng cậu, gia nhập quân đội Việt Minh ở Thừa Thiên, sau năm 1954 tập kết ra Hà Nội. Trong bài “Cái chổi quét rác rưởi”, Phùng Quán cho rằng dưới chế độ ông đang sống, có quá nhiều rác rưởi làm dơ bẩn xã hội, và ông tình nguyện dùng văn chương quét sạch những rác rưởi đó. (24)

Lê Đạt đã mượn hình tượng “Ông Bình Vôì” để chống tệ nạn tôn sùng cá nhân, là căn bệnh trầm kha của chế độ cộng sản:

*“Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôì
Càng sống càng tòi
Càng sống càng bé lại.”* (24)

Đặc biệt bài thơ dài trên 300 câu của Trần Dần, chịu ảnh hưởng của bút pháp Maiakovski, (25) mô tả cảm nghĩ và cuộc sống của hai người yêu nhau ở Phố Sinh Từ, Hà Nội trong giai đoạn giao thời, dân chúng bỏ miền Bắc di cư vào Nam. Theo lời Hoàng Cầm trong bài “Con Người Trần Dần” đăng trên Nhân Văn số 1, xuất bản tại Hà Nội ngày 20.9.1956, thì Trần Dần giao bài thơ này cho Lê Đạt trước khi đi quan sát đoàn Cải Cách Ruộng Đất. Hoàng Cầm đã đem đăng vào Giai Phẩm Mùa Xuân. Trong bài thơ này có những câu được lặp lại nhiều lần như một điệp khúc:

*“Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ.”*

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 103)

Những câu sau đây của bài “Nhất Định Thắng” đã bị quy chụp là ám chỉ lãnh tụ:

*“...Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Tôi bỗng nghe những tiếng thì thầm
Tiếng người nói xen tiếng đời âm ỉ.
- Chúng phá hiệp thương!*

- Liệu có hiệp thương ?
- Liệu có tuyên cử ?
- Liệu tổng hay chẳng tổng ?
- Liệu đúng kỳ hay chậm vài năm?
Những câu hỏi đi giữa đời lồng chồng.
Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người
Người vẫn thường kinh hoảng trước tương lai...”
(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 108)

Chữ “Người” viết hoa dưới chế độ cộng sản Hà Nội chỉ dùng để chỉ Hồ chí Minh hay các lãnh tụ cộng sản như Lenin, Stalin hay Mao Trạch Đông. Trong bài thơ này, Trần Dần lại dùng chữ “Người” viết hoa. Đảng lao động quy chụp rằng Trần Dần muốn ám chỉ lãnh tụ của họ. Dựa vào điều này, nhà cầm quyền Hà Nội ra lệnh tịch thu Giai Phẩm 1956, và ngày mùng 2 Tết Bính Thân (13.2.1956), khi Trần Dần từ Phó Sinh Từ trở về đơn vị quân đội, ông bị bắt giam lần thứ hai. Lần này ông cũng phải ngồi tù ba tháng. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 134).

3.- PHẢN ỨNG CỦA “LÃNH ĐẠO”

Trong khi Trần Dần ở trong tù, các nhà văn của chính quyền trong hội văn nghệ (sau này là hội nhà văn) đã phê bình đả kích đặc san Giai Phẩm 1956. Đặc biệt, tại trụ sở hội văn nghệ Hà Nội, người ta tổ chức một buổi phê bình thơ Trần Dần, có khoảng 150 người tham dự, từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng, nhưng thực tế để kết tội Trần Dần. Hoài Thanh viết bài tham luận “Vạch trần tính cách phản động trong bài thơ “Nhất Định Thắng” của Trần Dần”, đăng trên báo Văn Nghệ số 110, ra ngày 17.3.1956, ghép Trần Dần vào tội phản động. (26) Ở đây cần chú ý thủ đoạn của cộng sản: Họ không đả kích tập thể các văn thi sĩ trong nhóm Giai Phẩm, mà tách ra đả kích riêng từng người, bắt đầu là Trần Dần để cô lập thi sĩ này.

Tiếp tay với Hoài Thanh để mạt sát Trần Dần và các văn sĩ trong Giai Phẩm, còn có những tên tuổi như Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi. Nhà thơ Hoàng Cầm kể lại: “... Người ta cho rằng bè phái độc quyền trong giới văn nghệ sĩ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc) đã tìm cách giả thủ. Trần Dần, Tử Phác đều bị tổng giam. Cái nút thứ hai khốc liệt hơn của tấn thảm kịch Trần Dần... Từ những ngày Tết mưa lũ chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái Giai Phẩm. Một không khí ngột thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ “Nhất định thắng” bị đem ra luận tội... Thôi thế là đêm luận tội này đã đóng một cái án tử hình xuống một bài thơ, xuống một con người, đồng thời là sự đe dọa nặng nề chung cho anh em văn nghệ sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với cái bè phái kia...” (27)

Ở trong tù, Trần Dần rất uất ức, dùng dao cạo râu cửa sổ tự tử, nhưng bị các cán bộ cộng sản cản trở không cho chết, vì sợ tiếng vang. Sau này ông mang một vết sẹo dài ở cổ.

CHÚ THÍCH

19.- Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 119. Cũng theo Boudarel, trong khi đó, thơ của Thi Sĩ Hoàng Cầm chỉ được in 1.000 bản. Boudarel trích dẫn danh sách các tác phẩm văn chương xuất bản trong các năm 1954, 1955 của nhà cầm quyền Hà Nội.

20.- Hoàng Cầm, “Con Người Trần Dần”, Nhân Văn số 1, Hà Nội, ngày 20.9.1956.

21.- Trần Công trích ghi lại, “Chống bè phái trong văn nghệ”, Nhân Văn số 1, báo đã dẫn.

22.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 24. [Người Trung Hoa gọi là mã linh thực tức khoai nhac ngựa vì khoai tròn, nhỏ, mọc từng chùm như cái lục lạc treo ở

23.- Theo tác giả Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 24 thì Giai Phẩm 1956 ra mắt tháng 3.1956. Tuy nhiên có hai điều cần chú ý: Thứ nhất, mùng 1 Tết Bính Thân nhằm ngày 12.2.1956, báo Xuân thường ra trước Tết, thứ hai vì bài thơ “Nhất Định Thắng” đăng trên Giai Phẩm 1956 mà Trần Dần bị bắt ngày mùng 2 Tết Bính Thân (13.2.1956). Vậy báo Giai Phẩm 1956 ra trễ nhất là trước Tết, vào đầu tháng 2.1956.

24.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 24. Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, đã từng là thư ký riêng của tổng bí thư Trường Chinh trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp. (Phần chú thích của Thông Điệp Xanh trong bài “Dạ ký”, truyện ngắn của Phùng Cung.

25.- Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 128. [Maiakovski (Vladimir Vladimirovich, 1893-1930): Sinh ở Georgia (Nga), nhà thơ, nhà soạn kịch Xô Viết thuộc trường phái "Tương lai", mạnh mẽ tuyên dương cách mạng năm 1917. Ông cách tân về nhịp điệu và hành văn để diễn tả cảm thức con người mới trong thời đại cách mạng. Tác phẩm: Lenin (1924), Rất Tốt (1927), Con Rệp (kịch, 1928, châm biếm tệ nạn quan liêu Xô Viết). Ông tự sát năm 1930.]

26.- Phan Khôi, “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ”, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, Hà Nội 1956, Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trích đăng, trang 67. Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 135. Riêng bài viết của Hoài Thanh, chúng tôi không có bản tiếng Việt, nên đề bài của Hoài Thanh chúng tôi dịch lại bản dịch của Boudarel: “Dévoilons le caractère réactionnaire du poème “Nous vaincrons!” de Tran Zan” (Vạch trần tính cách phản động trong bài thơ “Nhất Định Thắng” của Trần Dần).

27.- Hoàng Cầm, “Con Người Trần Dần”, báo Nhân Văn số 1, Hà Nội, ngày 20.9.1956.

III.- NHỮNG BIẾN CỐ VĂN HỌC

1.- GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG

Trong khi đó, tại Hà Nội, sau Giai Phẩm Mùa Xuân, và sau việc Trần Dần bị cầm tù,...một sự kiện văn học nổi bật khác xảy ra, gây xôn xao dư luận là việc công bố kết quả các giải thưởng văn học năm 1954-1955 trên báo Văn Nghệ Hà Nội, số 112 ra ngày 15.3.1956, và trên báo Nhân Dân số ra ngày 17.3.1956. Kết quả các giải đó như sau:

Thơ: Giải nhất: Tố Hữu (tập Việt Bắc), giải nhì: Trần Hữu Thung (tập Đồng tháng tám và Dặn con), Xuân Diệu (tập Ngôi sao), Tú Mỡ (tập Nụ cười chính nghĩa), giải ba: Hồ Khải Đạt (tập Thơ chiến sĩ).

Tiểu thuyết: Giải nhất: Nguyễn Ngọc (Đất nước đứng lên), Tô Hoài (Truyện Tây bắc), giải nhì: Nguyễn Huy Tưởng (Truyện anh Lục), Nguyễn Văn Bổng (Con trâu), giải ba: Phùng Quán (Vượt Côn Đảo), Trần Kim Trắc (Cái Lu),

giải khuyến khích: Hoàng Trung Nho (Đồng quê hoa nở), Bùi Hiền (Gặp gỡ), Đoàn Giỏi (Cá bóng mú). (Georges Boudarel sách đã dẫn, từ trang 233-234.)

Kết quả giải thưởng gây nhiều tranh cãi sôi nổi vì đa số các nhà thơ, nhà văn trúng giải đều là người thân cận của đảng lao động, trong đó dư luận bàn tán nhiều về các tác phẩm của Tố Hữu, Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng. Tập thơ Việt Bắc của



Đặc biệt hơn nữa, các tác giả Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng và Hoài Thanh vừa có tác phẩm dự giải, vừa được sung vào ban chấm giải, và sau đó lại vừa trúng giải. (Nhà Văn Phan Khôi nêu ra đầy đủ những bê bối của các giải thưởng này trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trong Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, xuất bản ngày 29.8.1956.)

Ba sự kiện, Giai Phẩm Mùa Xuân, việc bắt giam Trần Dần và giải thưởng văn học, tạo nên những làn sóng bàn luận âm ỷ liên tục trên các báo và trong các giới văn nghệ sĩ. Ngày 5.5.1956, Trần Dần ra khỏi tù. Lúc đó cũng là thời gian đảng lao động sửa soạn tổ chức đại hội văn học nghệ thuật toàn quốc lần thứ hai, nhằm đưa các văn nghệ sĩ đi theo đúng quỹ đạo của đảng. Hội văn nghệ liền cho thành lập ban tru bị đại hội ngày 16.5.1956. Thành phần ban Tru bị không được bầu từ dưới lên mà do từ trung ương chỉ định xuống (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 238-239).

2.- TRĂM HOA ĐUA NỖ Ở TRUNG HOA

Có một điều ít ai chú ý là sau vụ Giai Phẩm Mùa Xuân ở Bắc Việt ba tháng, mới xảy ra biến cố “Trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng” ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Nguyên sau Đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô, quan điểm chính trị mới của đảng cộng sản Liên Xô chẳng những được truyền sang Bắc Việt mà cả Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Đảng cộng sản Trung Hoa cầm quyền trên toàn thể lục địa Trung Hoa từ cuối năm 1949. Cộng sản Trung Hoa ổn định tình hình nội bộ khá lâu, và quyết tâm tiêu diệt các thành phần trí thức, văn nghệ sĩ đối kháng sau vụ Hồ Phong vào tháng 7.1954. Do đó, khi Liên Xô tuyên bố chính sách mới, thì cộng sản Trung Hoa liền hưởng ứng chính sách này theo cách của cộng sản Trung Hoa.

Lục Định Nhất (Lu Dingyi), cục trưởng cục tuyên huấn đảng cộng sản Trung Hoa, triệu tập cuộc họp ngày 25.5.1956 tại Bắc Kinh, gồm những nhà trí thức, nghiên cứu, văn nghệ sĩ, nhân sĩ, đại diện hội đoàn. Trong cuộc họp này, Lục Định Nhất đọc bài diễn văn nhan đề: “Bách hoa tề khai, bách gia tranh minh” [Trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng]. Họ Lục cho biết Chủ Tịch Mao Trạch Đông trích hai câu này từ cổ văn, và giao cho ông giải thích với hội nghị. Họ Lục trình bày:

“...Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn nghệ không thể trở nên phong phú được...Hai nghìn năm trước, trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, Trung Quốc có nhiều học phái khác nhau...Hồi đó, các học phái đều tự ý phát triển, không phục tùng một hệ thống tư tưởng nào cả, nhưng ngày nay, chính quyền của nhân dân đã thành lập và vững mạnh thì sự tranh đua của bách gia ngày nay phải nằm trong khuôn khổ của một chương trình chung...Cần phải đề cao sự tự do tranh luận và bênh vực ý kiến trong mọi ngành học thuật nhưng đồng thời cũng không nên lẫn lộn những cuộc tranh luận xây dựng trong nội bộ đảng với những cuộc tranh đấu để tiêu diệt những phần tử phản động...Có hai lối phê bình: Phê bình kẻ thù và phê bình những đồng chí phạm sai lầm. Phê bình kẻ thù là đập cho nó một trùy vỡ sọ chết tươi, còn phê bình một đồng chí phạm sai lầm là lấy khoan hồng đưa dần họ về với chính nghĩa...” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 7-8).

Ngày hôm sau, 26.5.1956, Mao Trạch Đông chính thức công bố phát động chiến dịch “Trăm hoa đua nở”. (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 26). Như thế, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa mở ra chiến dịch “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”, nhưng để sẵn quả “trùy” [chùy] trước mặt mọi người, cảnh cáo những ai đi sai “khuôn khổ của một chương trình chung” sẽ bị “vỡ sọ chết tươi”, nghĩa là vừa mở vừa hù dọa.

Bài phát biểu của Lục Định Nhất đăng trên Nhân Dân Nhật Báo ở Bắc Kinh ngày 13.6, tức thì được sinh viên Hà Nội, do Giáo Sư Trần Đức Thảo bảo trợ, đã dịch đăng lên bích báo nhà trường. Trong khi đó, bản tin điện về bài của Lục Định Nhất do Lê Phú Hào, đặc phái viên báo Nhân Dân (Hà Nội) tại Bắc Kinh, gửi về vào tháng 7, nhưng mãi đến ngày 5.8, Nhân Dân (Hà Nội) mới đưa lên mặt báo. Bài viết đã làm xôn xao các giới cầm quyền và dư luận Hà Nội. Một biên tập viên báo Nhân Dân (Hà Nội) đã nói với Lê Phú Hào vài tuần sau đó, khi ông về Hà Nội công tác: “Bản tin của anh có hiệu quả của một trái bom”. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 239-242)

Ngày 15.9.1956, đảng cộng sản Trung Hoa họp đại hội lần thứ 8, đại hội đầu tiên kể từ 1945, khẳng định lập trường “sống chung hòa bình” mà Liên Xô đã đưa ra trong đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô (Chính Đạo, I-C, sách đã dẫn, trang 103). Sau đó, đến ngày 30.9, báo nhân dân (Hà Nội) mới chịu đăng toàn văn bài phát biểu của Lục Định Nhất. Ở đây xin mở ngoặc thêm một chi tiết: Sau khi nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm đứng ra đòi hỏi cởi trói văn nghệ ở Bắc Việt vào năm 1956, thì năm sau, 1957, bên Trung Hoa cũng xảy ra sự phản kháng của nhóm văn thi sĩ do bà Đinh Linh [Ding Ling] dẫn đầu. Bà Đinh Linh cũng đã bị nhà cầm quyền Bắc Kinh bắt giam. Như vậy phong trào đòi hỏi tự do báo chí ở Bắc Việt đi trước phong trào ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa). (28)

3.- CUỘC HỌC TẬP 18 NGÀY

Để nắm chắc tình hình trước khi vào đại hội văn học nghệ thuật toàn quốc kỳ 2, ban tuyên huấn trung ương đảng lao động do Tố Hữu đứng đầu, tổ chức lớp “Bồi dưỡng về lý luận văn nghệ” từ ngày 1 đến ngày 18.8.1956, thường được gọi là “Cuộc học tập 18 ngày”, với khoảng 300 trí thức, văn nghệ sĩ tham dự. Có thể nói cuộc học tập này bao gồm hầu hết những tinh hoa trí tuệ Bắc Việt, trừ những nhà nghiên cứu khoa học chuyên môn.

Có lẽ kết quả không được như ý theo nhà cầm quyền. Báo chí chỉ tường thuật rất sơ lược cuộc học tập này, không phải vì nội dung thiếu hấp dẫn, nhưng vì quá nhiều “thắc mắc” được đưa ra mà không có câu trả lời. Những ngày đầu khá buồn tẻ vì những diễn văn khai mạc có tính cách công thức, và những người tham dự có vẻ thụ động. Càng về sau, cuộc học tập càng sôi nổi khi những vấn đề thực tiễn đời sống được nêu ra thảo luận, như cuộc cải cách ruộng đất, việc kiểm soát dân số, hoạt động các cửa hàng quốc doanh... Những thắc mắc cụ thể được nêu lên xoay quanh mối tương quan giữa chính trị và tự do sáng tác, vấn đề lãnh đạo văn nghệ, những sai lầm trong việc bình chọn giải văn học vừa qua, và cả nội dung của Giai Phẩm Mùa Xuân. Cuộc học tập này không đưa ra một thông báo chính thức nào (Georges Boudarel sách đã dẫn, trang 238-242). Lý do thật dễ hiểu vì:

“...Đợt học tập của giới văn nghệ tháng Tám vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn nghệ. Phát triển sự việc như thế nào, chỉ trích bè phái như thế nào, xây dựng trung ương đảng như thế nào, Nguyễn đình Thi tổng kết quanh co như thế nào, Nguyễn Hữu Đang tham luận mạnh bạo như thế nào, Tố Hữu nhận lỗi qua loa như thế nào, anh chị em đã nghĩ những gì... báo nhân dân biết rõ. Thế rồi bè phái lãnh đạo văn nghệ vẫn cứ ngoan cố làm thịnh... tuyệt nhiên không giải quyết một nguyện vọng nào của anh chị em...” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 26.)

IV.- GIAI PHẨM RỜI NHÂN VĂN

1.- GIAI PHẨM MÙA THU

Đảng lao động tưởng rằng đợt học tập 18 ngày có thể uốn nắn tư tưởng của các giới trí thức và văn nghệ sĩ, không ngờ lại tạo hiệu ứng ngược lại, bất lợi cho chính sách của đảng. Hiệu ứng bất lợi rõ nét nhất là sự xuất hiện của Giai Phẩm

Cái đỉnh của Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1 là bài viết của nhà văn lão thành Phan Khôi, tựa đề là “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ”, dài 14 trang (sách), cỡ chữ nhỏ. Trong bài này, phần dẫn nhập, Phan Khôi viết rằng trong thời gian chiến tranh, các văn thi sĩ chỉ nghĩ đến kháng chiến, nên sẵn sàng hy sinh, chín bỏ làm mười, không ai thắc mắc gì cả, nhưng sau năm 1954, trở về Hà Nội, “lãnh đạo văn nghệ thành ra vấn đề, quần chúng văn nghệ thắc mắc với lãnh đạo”. Phan Khôi đưa ra ba vấn đề chính để phê bình: Đó là tự do của văn nghệ sĩ, vụ Giai Phẩm Mùa Xuân, và Giải thưởng văn học 1954-1955.

Theo Phan Khôi, lúc đó tại Bắc Việt văn nghệ sĩ bị kèm kẹp một cách nghiệt ngã, khiến một ngày nào đó, “nhược bằng bắt mọi người phải viết theo lối của mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.” Phan Khôi chỉ còn biết than với Nguyễn Đình Chiểu: “Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu ơi! Ở thời cụ, cụ đã kêu: Ở đây nào phải trường thi, Ra đề hạn vận một khi buộc ràng! Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi! Tôi đâu còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!”

Từ lãnh đạo như thế nên đưa đến phản ứng qua Giai Phẩm Mùa Xuân. Rồi lại xảy ra những vụ chụp mũ phản động mà theo Phan Khôi “thật là cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá.” Cũng vì lãnh đạo như thế mới đưa đến kết quả giải văn học 1954-1955, mà “ở Hà Nội, dư luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng được giải.” Chẳng những nêu danh những tác phẩm không xứng đáng, Phan Khôi còn đưa ra lối làm việc theo mệnh lệnh của hội đồng chấm giải, lấy đa số hội viên trong hội đồng để chèn ép “thiểu số tuyệt đối” là chính Phan Khôi. Điều khôi hài nhất được ông nêu ra là có tác giả vừa được sung vào ban chấm giải, vừa có tác phẩm dự giải, và sau đó lại vừa trúng giải.

Khi phê bình lãnh đạo văn nghệ, Phan Khôi đã phê bình luôn sự lãnh đạo của đảng lao động, bởi vì tổ chức thực sự lãnh đạo nền văn nghệ Bắc Việt là chi bộ đảng lao động trong hội nhà văn trực thuộc hệ thống đảng, và ông cũng phê bình luôn chế độ ông ta đang sống. Phan Khôi viết: “Dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: Nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường. Nhưng ở dưới chế độ của chúng ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải không đi đến đối lập, hễ còn đối lập là cái hiện tượng không tốt, cái triệu chứng không tốt.” (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, từ trang 59-72.)

Bài báo của Phan Khôi đã làm xôn xao dư luận Hà Nội. Báo Thời Mới (báo tư nhân do Hiền Nhân chủ trương) đã gọi bài viết của Phan Khôi là một “quả bom tạ” thả ngay tại thủ đô Hà Nội. “Có người lại thốt lên rằng chín mươi năm nay mới được nghe tiếng nói sang sảng của cụ Phan Khôi.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 26).

Ngoài bài “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ” của Phan Khôi, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1 còn có các bài “Ông Bình Vôi” cũng của Phan Khôi, kể chuyện những chiếc bình vôi ở quê ông và khai triển thêm ý tưởng bài thơ của Lê Đạt trong Giai Phẩm Mùa Xuân, bài “Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ” của Trương Tửu, đả kích những hiện tượng tôn sùng các “quan văn nghệ”, bài “Bức Thư Gửi Một Người Bạn Cũ” của Trần Lê Văn, diễn tả hình ảnh của một cán bộ cộng sản được mệnh danh là “Ông Khẩu Hiệu”.

2.- NHÂN VĂN

Hai mươi ngày sau Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, tờ Nhân Văn số 1 được phát hành ngày 20.9.1956, do chính Phan Khôi giữ chức Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút, Trần Duy (tên thật là Trần Quang Tăng) làm Thư Ký. (Georges Boudarel sách đã dẫn, trang 23). Trong phần mở đầu, báo này tuyên bố: “Báo Nhân Văn đứng dưới sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần thực tiễn, để xúc tiến công cuộc củng cố miền Bắc, thống nhất nước nhà, để đi đến thực hiện xã hội chủ nghĩa, theo như ý muốn của đảng cũng như của nhân dân cả nước.” (29)

Nhân Văn số 1 được dư luận chú ý ngay vì một số bài nổi bật như: “Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do dân chủ” với phần trả lời của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, Giáo Sư Đại Học, theo đó ông cho rằng “sự thực hiện dân chủ trong hai năm vừa qua còn thiếu sót nhiều”, bài “Chống Bè Phái Trong Văn Nghệ” của Trần Công, trình bày nạn độc đoán của nhóm lãnh đạo văn nghệ, bài thơ “Nhân Câu Chuyện Máy Người Tự Tử” của Lê Đạt, và đặc biệt nhất là bài “Con Người Trần Dần” của Hoàng Cầm. Trong bài báo này, qua câu chuyện về việc Trần Dần hai lần bị bắt, Hoàng Cầm lên án việc thiếu tự do sáng tác và tự do tư tưởng dưới chế độ Hà Nội.

Báo Nhân Văn vừa ra mắt liền được độc giả hoan hô, chuyền tay nhau đọc, và bàn tán sôi nổi, đồng thời cũng được các giới cầm quyền nghiên cứu kỹ lưỡng và bị giới này lên án gắt gao. Đầu tiên, ngày 25.9.1956, báo nhân dân đăng bài của Nguyễn Chương, phó trưởng ban tuyên huấn trung ương đảng. Nguyễn Chương cho rằng báo Nhân Văn là tay sai của “địch”, vì công kích địch thì ít mà công kích “ta” thì nhiều (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 28). Theo Nguyễn Chương, báo Nhân Văn đã “muốn nhân việc phê bình lãnh đạo văn nghệ hẹp hòi, mệnh lệnh mà làm cho người ta tưởng rằng toàn bộ sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam và toàn bộ chế độ chính trị ở miền Bắc là độc đoán, độc tài, chà đạp con người, không có nhân văn” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 23-24).

Tiếp tục trả lời cuộc phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ, trên Nhân Văn số 2 ra ngày 5.10.1956, học giả Đào Duy Anh cho rằng: “Trong quá trình xây dựng chế độ, chúng ta gặp trong chính nội bộ của chúng ta, những cái hạn chế và ngăn cản tự do. Tên tuổi của những kẻ thù nội bộ của tự do ấy, người ta đều biết cả: Tức là tệ quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, bè phái...những bệnh giáo điều chủ nghĩa, công thức chủ nghĩa, sùng bái cá nhân còn ngự trị trong công tác lãnh đạo văn nghệ và học thuật...” (30)

Đáp lại đả kích của Nguyễn Chương, cũng trên báo Nhân Văn số 2, ba tác giả Hoàng Cầm, Hữu Loan, và Trần Duy viết bài “Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính trị”, trả lời từng lý luận một. Sau mỗi đoạn bẻ gãy lý luận của Nguyễn Chương, các tác giả này giễu cợt bằng một điệp khúc: “Bạn cố tình đến thế, chúng tôi còn biết làm sao ?” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 28).

Nguyễn Chương giải thích vớt vát bằng một bài báo khác cũng đăng trên nhân dân, thì bị Chu Ngọc trả lời qua bài báo nhan đề “Quần chúng đã chán ghét lối chận hòng đó rồi” trên Nhân Văn số 3 ra ngày 20.10.1956. Nhân Văn số 3 còn đăng bài “Nỗ lực phát triển tự do dân chủ” của Giáo Sư Thạc Sĩ Trần Đức Thảo. Ông Trần Đức Thảo nhấn mạnh rằng: “Trong nhiệm vụ thực hiện phương châm của đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô, đặng hưởng ứng lời kêu gọi của đảng lao động Việt Nam, hưởng ứng phong trào phát triển tự do dân chủ trong những nước dân chủ nhân dân anh em, người trí thức Việt Nam có phần trách nhiệm quan trọng. Người trí thức hoạt động văn hóa, cần tự do như khí trời để thở. Có tự do mới đẩy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu

Trong khi đó, báo nhân dân ngày 16 và 17.10.1956 đăng bài “Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta” của Giáo Sư Thạc Sĩ Hoàng Xuân Nhị. Ông Hoàng Xuân Nhị vận dụng lý thuyết Mác-Lê để chứng minh rằng văn nghệ phải có đảng tính và văn nghệ sĩ phải triệt để phục tùng sự lãnh đạo của đảng. Báo nhân văn số 4 ngày 5.11.1956 phản bác lại bằng bài “Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị” của Bùi Quang Đoài. Ông Bùi Quang Đoài vào lúc đó là sinh viên Trường Đại Học Hà Nội. Tuy trẻ tuổi, lối lý luận của ông Bùi Quang Đoài rất sắc bén. Sau khi chứng minh những sai lầm của Giáo Sư Thạc Sĩ Hoàng Xuân Nhị, Bùi Quang Đoài viết: “Xuất phát từ lệch lạc đó, Hoàng Xuân Nhị cho rằng nhờ có đảng mới có tự do tư tưởng. Như ý kiến tôi vừa trình bày, tôi hỏi lại ông Nhị là có đảng rồi mới có quần chúng hay có quần chúng rồi mới có đảng. Như thế thì rõ ràng không phải có đảng người nghệ sĩ mới có tự do tư tưởng mà ngay cả những thế kỷ trước, cũng như thời kỳ cách mạng, mặc dầu thực dân đàn áp khủng bố, Vũ Trọng Phụng vẫn kiên quyết tự do tư tưởng, tố cáo “cái xã hội đều” buộc tội giới cầm quyền lúc bấy giờ. Lúc ấy họ có là đảng viên đâu...Như thế thì tự do tư tưởng không phải là một vấn đề đảng ban ơn cho quần chúng như ông Nhị đã lầm tưởng...”

Bùi Quang Đoài kết luận bài viết của mình như sau: “Trong một bài báo ngắn, tôi đã cố gắng trình bày vài sai lầm hoặc vài thiếu sót của ông Nhị về mặt kiến thức. Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều mà ông Nhị đã từng đề nghị với anh em Nhân Văn và Giai Phẩm: Cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ, để giữ cho bản chất trung thực của người trí thức.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 139-140) (31)

Cũng trên Nhân Văn số 4, truyện ngắn “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh” của Phùng Cung, một văn sĩ trẻ, kể chuyện cuộc đời của một con ngựa chiến được mệnh danh là “Bạch Long Thiên Lý Mã”. Lúc ở với mã phu là lão Nông, thì nó chạy như bay, không con ngựa nào địch lại, nhưng khi về Phủ Chúa Trịnh, chỉ ăn, tắm, trang điểm lộng lẫy, và kéo xe cho chúa, nên không còn lạnh lẽo như trước, và cuối cùng thất bại trong một cuộc đua sau đó. Phùng Cung muốn dùng hình ảnh của con ngựa này để ngụ ý đả kích những văn nghệ sĩ tài hoa trước kia như Xuân Diệu, Huy Cận, Hoài Thanh, đã cam tâm làm tay sai cho chế độ cộng sản, nên tài năng bị thui chột và mai một dần. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 149-154).

Ngoài những mục khôi hài biếm họa chỉ trích cán bộ đã xuất hiện ngay từ số đầu, Nhân Văn số 5 ra ngày 20.11.1956 được ghi dấu bằng bài viết “Thi Sĩ Máy” của Châm Văn Biếm, mà sau này người ta mới biết Châm Văn Biếm là Như Mai hay Hoàng Như Mai. Theo tác giả Châm Văn Biếm, chế độ cộng sản chỉ cần những người làm theo công thức như máy sản xuất, kể cả thơ ca, chứ không quý trọng tình cảm cũng như sáng tạo cá nhân con người. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 274-282)

3.- CUỘC PHẢN KHÁNG LAN RỘNG

Khi báo Nhân Văn mới xuất hiện, đảng lao động đang mở ra phong trào sửa sai sau Cải Cách Ruộng Đất, nên cũng có phần mềm mỏng và nới lỏng. Do đó, nhân những bài mào đầu của Nhân Văn, nhiều báo ở Hà Nội đã hưởng ứng sôi nổi, tuy ngắn ngủi nhưng khá hào hứng. Lúc đó, ở Hà Nội truyền khẩu một câu đồng dao:

“Trần Dần, Lê Đạt, Phan Khôi,

Các chú đi trước, thì rồi cháu theo.” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 187)

Tờ báo trước tiên theo chân Nhân Văn là Đất Mới, tiếng nói của anh em sinh viên Hà Nội, ra mắt tháng 10.1956. Xuất bản được một số thì Đất Mới bị đình bản. Người chủ trương Đất Mới là Bùi Quang Đoài. Trên Đất Mới số 1, Bùi Quang Đoài

Những tạp chí khác trước kia bình thường, nay cũng bắt đầu đăng những bài báo công kích những tệ nạn của nhà nước cộng sản và đảng lao động như báo Trăm Hoa của Nguyễn Bính, báo Thời Mới của Hiền Nhân.

Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2 ra vào tháng 10.1956, có các bài nổi bật là “Những Người Khổng Lồ” của Trần Duy, bài thơ “Những Ngày Báo Hiệu Mùa Xuân” của Văn Cao, và bài thơ “Chống Tham Ô Lãng Phí” của Phùng Quán. Bài của Phùng Quán được truyền bá rộng rãi nhờ những lời thơ thẳng thắn:

*“Tôi muốn đúc thơ thành đạn
Bắn vào tim những kẻ làm càn
Những con người tiêu máu của dân
Như tiêu giấy bạc giả!...
Những tên quan liêu đảng đã phê bình trên báo
Và bao nhiêu tên chưa ai biết, ai hay
Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp, béo, gầy
Khấp mặt đất như bầy ruồi nhặng
Ở đâu cũng có! ...”*

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 119)

Giai Phẩm Mùa Thu Tập 3 ra đời tháng 11.1956 đánh dấu bằng vở kịch nổi tiếng của Chu Ngọc: “Chúng Ta Gắng Nuôi Con”. Giai Phẩm Mùa Đông tháng 12.1956 đăng bài tham luận về vấn đề tự do của Giáo Sư Trần Đức Thảo nhan đề “Nội Dung Xã Hội và Hình Thức Tự Do”. Giáo Sư Trần Đức Thảo đã kết luận bài viết của mình như sau: “Trong bản tham luận đọc trước đại hội 8 của đảng cộng sản Trung Quốc, đồng chí Đặng Tiểu Bình, hiện giờ là tổng bí thư đảng cộng sản Trung Quốc đã nói: “Đảng không có quyền vượt lên trên quần chúng nhân dân, tức là đảng không có quyền ban ơn, cưỡng bách, mệnh lệnh đối với quần chúng nhân dân, đảng không có quyền xưng vương xưng bá trên đầu nhân dân”.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 291)

Cũng trong Giai Phẩm Mùa Đông, với bài “Văn Nghệ và Chính Trị”, nhà nghiên cứu Trương Tửu, tuy thừa nhận “Đảng lãnh đạo văn nghệ là một tất yếu lịch sử”, nhưng lại đòi hỏi đảng “phải trả quyền điều khiển chuyên môn cho những nhà chuyên môn”. Trương Tửu viết: “Lãnh đạo tốt là tuyệt đối không ngăn cản văn nghệ sĩ phát hiện sự thật một cách hoàn toàn tự do...Họ [văn nghệ sĩ] hoàn toàn độc lập tác chiến, độc lập sáng tạo...họ chỉ tuân theo kỷ luật và chỉ thị của trái tim họ, của khối óc họ, của hiện thực xã hội mà họ phản ánh tùy theo trình độ nhận thức cá nhân của họ...Văn nghệ sĩ chân chính xưa nay đều chống lại chính trị của giai cấp cầm quyền...Văn nghệ sĩ yêu đảng nhưng họ yêu sự thực hơn đảng...Vận mạng của văn nghệ sĩ dài hơn vận mạng của đảng, dài hơn vận mạng của chế độ.” (Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 155)

Phong trào công kích phê bình nhà cầm quyền lan rộng sang cả những tờ báo của đảng như tờ cứu quốc do mặt trận tổ quốc chủ trương, tờ nhân dân và cả tờ học tập, cơ quan nghiên cứu lý luận của đảng, cũng nêu lên những trường hợp tham ô lạm quyền của đảng viên. Các tờ báo đảng thì đổ lỗi cho cá nhân các cán bộ đảng viên thoái hóa. Còn các báo khác thì cho rằng đây là sai lầm của lãnh đạo và chính sách của đảng (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 27).

CHÚ THÍCH

28.- Đinh Linh (Ding Ling, 1904-1986): Tên thật là Tưởng Băng Chi (Chiang Ping Chih). Những tác phẩm đầu tay nổi tiếng của bà trong thập niên 20 viết về

29.- Nhân Văn số 1, Hà Nội, 20.9.1956.

30.- Nhân Văn số 2, Hà Nội 5.10.1956, “Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ”, Ý kiến của ông Đào Duy Anh.

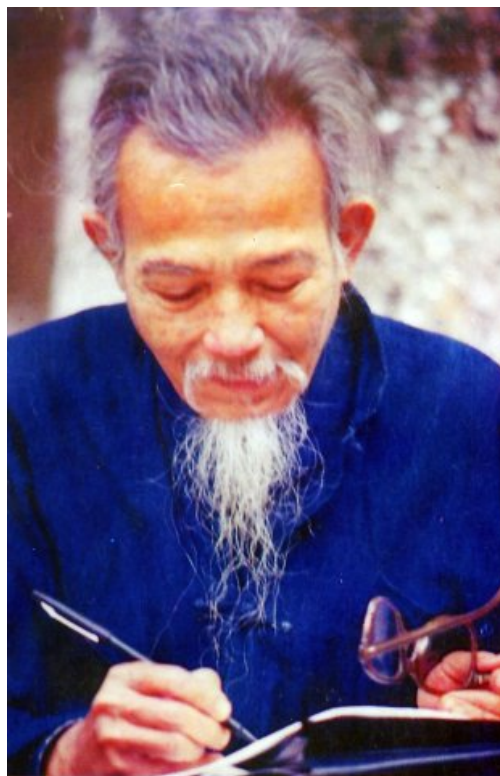
31.- Sau đợt học tập và kiểm thảo năm 1958, Bùi Quang Đoài không còn được dùng tên thật của mình làm bút hiệu nữa. Từ năm 1975, tác phẩm của Bùi Quang Đoài phải đề tên của người con trai là Thái Vũ, như Ba Đình, Giặc Chày Vôi...

V.- ĐÀN ÁP CỦA NHÀ CẦM QUYỀN

1.- CẢN TRỞ

Lo ngại ảnh hưởng của Nhân Văn, ngoài việc viết bài đả kích ngay từ đầu, nhà cầm quyền Hà Nội đã dùng nhiều phương cách gây trở ngại,...nhằm chặn đứng sự xuất hiện của Nhân Văn. Cần chú ý là đảng lao động tiếp thu chính quyền ở Bắc Việt năm 1954. Khi xảy ra vụ Nhân Văn năm 1956, thì đảng lao động mới cầm quyền được hai năm và đang chuẩn bị chiến tranh chống miền Nam, nên rất e ngại dư luận quốc nội cũng như quốc tế. Cộng sản lo ngại dân chúng trong nước bất mãn, bỏ trốn vào Nam, và lo ngại các cơ quan quốc tế vẫn còn hoạt động nhiều ở miền Bắc, chú ý theo dõi.

Lúc đầu cộng sản khủng bố ngầm bằng cách ra lệnh cho cơ quan mật dịch không bán giấy in báo Nhân Văn. Biện pháp này không đạt kết quả vì nhóm chủ trương Nhân Văn mua giấy chợ đen. Hà Nội liền kiếm cách khủng bố những người phát hành hay những sạp báo nào có bán báo Nhân Văn. Trần Duy, Tổng Thư Ký tòa báo, đã đưa ra bài “Thành Thật Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ” trên Nhân Văn số 4 ngày 5.11.1956, tố cáo nhà cầm quyền và đảng lao động đã dùng những biện pháp ngầm để phá hoại và bóp chết báo Nhân Văn. Trần Duy viết: “...*Những hành động phá hoại ấy tuy riêng lẻ, không có một chủ trương nào dứt khoát, nhưng nó thành hệ thống, liên lạc, chứng tỏ rằng nó có chịu một sự chỉ huy...Anh em công nhân nhà in X.T. cũng thắc mắc không biết tờ Nhân Văn phản động ở chỗ nào và tại sao phản động mà chính phủ không cấm nó, lại phải để cho những kẻ đội lốt công đoàn vận động phá hoại nó?...Họ đổ cho Nhân Văn đã gây khó dễ cho đảng trong việc thống nhất Bắc-Nam, Nhân Văn làm chậm hiệp thương, Nhân Văn có tội với miền Nam...*” (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, từ trang 233-234)



Những phương pháp ngấm ngầm không hiệu quả, nhà cầm quyền Hà Nội quay qua vu khống những người viết báo chống đối là tay sai của địch, gián điệp của đế quốc. Báo nhân dân chạy tin rằng chính phủ Ngô Đình Diệm triển lãm báo Nhân Văn ở Đường Courtina [nv], Sài Gòn. Sự thật vào tháng 6.1956, bộ Thông Tin chính phủ miền Nam tổ chức một cuộc triển lãm các tài liệu chứng tỏ cộng sản không tôn trọng hiệp định Genève tại Phòng Thông Tin Sài Gòn ở Đường Catinat (Đường Tự Do), trong đó có triển lãm những tờ báo bắt được của những cán bộ cộng sản nằm vùng như nhân dân, cứu quốc. Lúc đó báo Nhân Văn chưa ra đời. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 30).

2.- LÀN GIÓ CHUỖNG

Theo quy luật của tạo hóa, hoa nở để rồi tàn, nhưng tàn xong thì hoa nở lại. Đảng này, trăm hoa báo chí vừa đua nở ở Bắc Việt thì lại tàn lụi vĩnh viễn, vì một làn gió chuông từ nước ngoài mới thổi đến. Nguyên sau đại hội 20 đảng cộng sản Liên Xô, Nikita Khrushchev nói là đưa ra chính sách mềm dẻo, nhưng chính phủ ông chẳng mềm dẻo tí nào đối với phong trào công nhân của các nước cộng sản láng giềng.

Ngày 28.6.1956, 50.000 công nhân thành phố kỹ nghệ Poznan (Ba Lan: Poland), ở phía Tây Thủ Đô Warsaw, nổi lên đòi tự do và cơm áo. Đảng cộng sản Ba Lan đàn áp, 53 người chết và khoảng 200 bị thương. Các đơn vị Liên Xô sẵn sàng tiến vào Ba Lan, nhưng lãnh tụ Wladyslaw Gomulka đã khéo léo thuyết phục Khrushchev không can thiệp vào nội tình Ba Lan.

Tại Hung Gia Lợi (Hungary), một nước cộng sản Đông Âu khác, Imre Nagy lên làm Thủ Tướng ngày 4.7.1953, đưa ra nhiều cải cách, giải tán các trại tập trung, khoan hồng tù nhân. Nagy bị các lãnh tụ thân Liên Xô thay thế năm 1955. Ngày 23.10.1956, sinh viên và dân chúng nổi lên biểu tình, đòi hỏi dân chủ, đòi chấm dứt ảnh hưởng của Liên Xô và yêu cầu đưa Nagy trở lại chính quyền. Để my dân, đảng cộng sản đưa Nagy trở lại ghế Thủ Tướng ngay ngày hôm sau, 24.10. Nagy xin thương thuyết với Liên Xô. Quân đội Liên Xô rút ra khỏi thủ đô Budapest ngày 27-10, nhưng ba ngày sau, 30.10, quân Liên Xô bất ngờ tiến vào Budapest trở lại, lật đổ Nagy, lập János Kádár lên thay. Imre Nagy và vị Tướng Tổng Chỉ Huy quân nổi dậy bị bắt và bị giết năm 1958.

Như thế, tuy tuyên bố chính sách mềm dẻo, nhưng Khrushchev vẫn xua xâm lăng Hung Gia Lợi, dẹp tan những đòi hỏi chân chính của nhân dân nước này. Nói cách khác, chính sách của Liên Xô chỉ mới hé mở chứ chưa thay đổi trên thực tế. Điều này là những tín hiệu khuyến khích giới lãnh đạo đảng lao động Bắc Việt trở lại chính sách cũ. Nhà cầm quyền Hà Nội nhân cơ hội đàn anh Liên Xô cứng rắn trở lại, liền ra tay đàn áp thẳng thừng những phản kháng ở trong nước.

3.- THẮNG TAY ĐÀN ÁP

Để chuẩn bị dư luận, báo nhân dân ngày 10.12.1956 vừa cho đăng bài “Chống vu khống xuyên tạc” của Xuân Trường, đả kích Nhân Văn, vừa loan báo 500 đại biểu công nhân các nhà in tư nhân phản đối báo Nhân Văn và gửi kiến nghị thư cho ủy ban hành chánh Hà Nội đòi có phản ứng. Ngày 11.12, báo nhân dân đăng thêm bài “Giữ vững nguyên tắc dân chủ” của Quang Đạm tố cáo Nhân Văn đã lợi dụng dân chủ để gây rối. Ngày 12.12, báo nhân dân đăng thư bạn đọc chỉ trích Nhân Văn số 4 (ra ngày 5.11.1956) đã lợi dụng hai chữ quần chúng, và đã tỏ ra “vô kỷ luật, vô tổ chức”. Ngày 13.12, báo nhân dân đưa tin 52 hội đoàn, đơn vị xí nghiệp đã viết kiến nghị chống Nhân Văn với 6.704 chữ ký. Ngày 14.12, báo nhân dân cho biết có hơn 1.000 người Hà Nội viết thư phản đối báo Nhân Văn, yêu cầu Phủ Thủ Tướng, ban thường trực quốc hội, bộ tư pháp, bộ nội vụ có thái độ đối với Nhân Văn. Những tấn công dồn dập trên báo nhân dân là dấu hiệu cho thấy đang có một

Cuộc họp thứ nhất tại thành ủy Hà Nội vào khoảng giữa tháng 10.1956, sau hai số Nhân Văn. Tại cuộc họp này Tố Hữu, đại diện trung ương đảng, phát biểu: *“Các anh [chỉ thành ủy Hà Nội] mất cảnh giác chính trị trước một trào lưu tư sản đang chống đối chế độ... Các anh chưa nhận thức tình hình hiện nay... Các anh không thấy Hungarie tình hình bắt đầu như thế nào à ? Nó bắt đầu từ Câu lạc bộ Pétofi...”* (32) Trong cuộc họp vào khoảng giữa tháng 12, Tố Hữu nói rằng *“tờ Nhân Văn số 6 kích động nhân dân biểu tình nhân dịp quốc hội sắp họp”*, dù lúc đó Nhân Văn số 6 mới lên khuôn chữ chưa được in. Ông Vũ Định, phụ trách công đoàn (tức liên đoàn lao động) Hà Nội, liền được thành ủy cử đến gặp công nhân nhà in Xuân Thu yêu cầu ngừng in báo Nhân Văn. (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 69).

Ngày 15.12.1956, ba sự kiện xem ra có vẻ độc lập sau đây diễn ra trong cùng một ngày:

- Hồ chí Minh ban hành sắc lệnh bắt buộc báo chí phải phục vụ nền chuyên chính vô sản, không được chống chế độ, chống chính phủ, không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn... và sẽ phạt tù từ 5 năm đến chung thân khổ sai, tịch thu tài sản nếu ai phạm vào những điều cấm.

- Báo nhân dân đăng lời tuyên bố của 235 văn nghệ sĩ Nam Bộ tập kết ra Bắc lên án Nhân Văn là phương tiện cho địch gây chia rẽ Bắc-Nam, và đăng lời ngỏ của 180 nhà báo Hà Nội lên án Nhân Văn *“nói sai sự thật, xuyên tạc nhiều vấn đề với dụng ý bôi xấu chế độ ta.”*

- Bác sĩ Trần Duy Hưng, chủ tịch ủy ban hành chánh (tương đương với thị trưởng) Thành Phố Hà Nội ra quyết định đình bản vĩnh viễn báo Nhân Văn. Lúc đó, Nhân Văn số 6 vừa mới được lên khuôn ở nhà in Xuân Thu, thì bị chết yểu (ngày 15.12.1956), không được ra mắt độc giả, chấm dứt luôn đời sống ngắn ngủi của báo Nhân Văn. (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 31.)

Ba động tác nhịp nhàng cùng một lần, không trước không sau, và không phải là không có đạo diễn, chứng tỏ quyết tâm của nhà cầm quyền cộng sản cương quyết vùi dập báo Nhân Văn, bông hoa hương sắc nhất trong cảnh trăm hoa đua nở trên đất Bắc năm 1956, để rồi sau đó vùi dập luôn các bông hoa khác, vì sau báo Nhân Văn, các báo khác như Trăm Hoa của Nguyễn Bính, Thời Mới của Hiền Nhân, Đất Mới của sinh viên Hà Nội, Giai Phẩm cũng lần lượt bị dẹp luôn.

VI.- TIẾP TỤC KHÙNG BÓ

1.- BÁO CHẾT CHƯA HẾT CHUYỆN

Báo Nhân Văn chính thức bị đóng cửa ngày 15.12.1956, nhưng vấn đề Nhân Văn vẫn còn dây dưa lâu ngày. Trước hết là các báo của đảng lao động vẫn tiếp tục chiến dịch đả kích Nhân Văn.

Ngày 16.12, báo nhân dân loan báo rằng 180 nhà báo Hà Nội, 25 nhà văn trong đó có Tô Hoài, Thế Lữ, Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Bính, Nguyên Hồng, Thanh Tịnh, Đặng Thai Mai, cùng các văn nghệ sĩ liên khu 5 như Nam Trân, Phan Thao (con của chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Nhân Văn là Phan Khôi) lên tiếng phản đối Nhân Văn. Ba hôm sau (19.12), báo nhân dân cho biết đến lượt các văn nghệ sĩ quân đội đả kích Nhân Văn. Ngày 23.12, cũng theo báo nhân dân, sinh viên học sinh Hà Nội phản đối tạp chí Đất Mới. Ngày 30.12.1956, Nhân Dân kết toán rằng chỉ trong ba ngày, từ 28.12 đến 30.12, đã có 1.415 độc giả viết bài phê phán báo Nhân Văn.

Sau khi đả kích Nhân Văn, Giai Phẩm, hội văn nghệ Hà Nội, trong tinh thần tự sửa sai, ra thông báo ngày 20.12.1956, nhận khuyết điểm về việc phát giải thưởng

Số Văn đầu tiên ra mắt độc giả là ngày 10.5.1957, ít hấp dẫn người đọc, vì không được sự cộng tác của những tác giả thời danh. Bài vở quá kém khiến Văn bị báo học tập, cơ quan nghiên cứu và lý luận của đảng lao động, chỉ trích vào số đầu tháng 8.1957. Thế Toàn, tác giả bài báo chỉ trích, đã viết: *“Qua 10 số đầu của tuần báo Văn, chúng tôi nhận thấy nội dung tờ báo còn quá nghèo nàn. Tờ báo hầu như xa rời thực tế, xa rời cuộc sống, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng...”* (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 32)

Nhà văn Nguyễn Hồng, Tổng Thư Ký tòa báo, đã trả lời và phê bình rằng Thế Toàn quan liêu và trích thượng, trên báo Văn số 15 ra ngày 16.8.1957. Có lẽ để đáp lại thiết thực hơn cho yêu cầu của tờ báo đảng (học tập), báo Văn bắt đầu cho đăng những bài phản ảnh thực tế xã hội, tâm tư của những nhà văn chân chính.

Trên báo Văn số 21 ra ngày 27.9, xuất hiện bài “Lời Mẹ Dặn” của Phùng Quán (cháu gọi Tố Hữu bằng cậu ruột) với những lời thơ làm cho thanh danh của ông trở thành bất tử:

*“Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.”*

(Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 121)

Hoàng Cầm, một kiện tướng của Nhân Văn, lần này đưa đăng vở kịch thơ “Tiếng Hát Trương Chi” trên báo Văn số 24 ngày 18.10.1956. Vở kịch thơ này dùng câu chuyện tiếng hát của chàng lái đò Trương Chi đã làm say mê My Nương, nhưng vì quan niệm phân biệt giàu nghèo của người cha My Nương, nên hai bên không kết hôn được. Qua lời thơ của Hoàng Cầm, “Tiếng Hát” tượng trưng cho tiếng gọi của tự do:

*“Nào người quả phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ côi khát sữa
Nào ai sống nhục chết oan
Nào ai tan lìa đôi lứa
Nghe tiếng hát này...”*

Cha của My Nương (tượng trưng cho đảng) tìm cách ngăn cản:

*“Khóa kín cả lâu, lấp cả sông
Để không còn tiếng hát!...”*

Tiếng hát kêu gọi tự do vượt các trở ngại đến tai mọi người:

*“Tiếng hát đầy được vào
Vì đó là tiếng gọi của trời cao
Của đất rộng...”*

Mỵ Nương, tượng trưng cho văn nghệ sĩ cùng dân chúng, kiếm tất cả các cách để đi tìm tiếng hát, tượng trưng cho tự do:

*“Ta mở được, ta vượt qua tường đá
Ta chạy ra sông!
Đi bốn phương trời
Tìm tiếng hát... ta đi cùng thiên hạ...”*

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang. 238-244)

Bức tranh nhiều hình “Một Phương Pháp Xây Dựng Văn Nghệ” của Trần Duy, nguyên Tổng Thư Ký báo Nhân Văn, xuất hiện trên Văn số 30 ngày 29.11.1957 thật là ý nghĩa. Bức tranh này gồm sáu hình nhỏ. Hình thứ nhất tả người họa sĩ đang vẽ hoa thì một cán bộ xuất hiện hỏi “Hoa này do đâu mà ra?”. Họa sĩ vẽ thêm cái chậu, một cán bộ khác đặt vấn đề “Hoa để cho ai? Phục vụ cái gì?” (hình 2). Họa sĩ thêm một công nhân ngắm hoa, một đại diện của nhà cầm quyền lên lớp: “Công nông binh là một lực lượng không thể tách rời được.” (hình 3) Họa sĩ lại thêm cho đủ công nông binh, nhưng có kẻ chỉ dạy: “Không nên cô lập công nông binh, phải có sự hỗ trợ của quần chúng.” (hình 4). Đành phải thêm, vẫn chưa đạt: “!!!Và phải diễn tả đấu tranh thắng lợi!!!” (hình 5). Khi diễn tả đấu tranh thắng lợi, họa sĩ nhìn lại bức tranh, thì “Ồ!!!”(hình 6), bức tranh không còn là bức tranh nữa.

Rồi đến lượt báo Văn bị đóng cửa sau khi đăng câu chuyện “Ông Năm Chuột” của Phan Khôi trên số 36 ra ngày 10.1.1958. Trong bài này, Phan Khôi kể lại chuyện một người nghèo khổ trong làng ông ở Quảng Nam, được dân chúng gọi là Năm Chuột, chuyên nghề thợ rèn, thợ bạc. Tuy bề ngoài nghèo khổ, nhưng ông Năm Chuột giỏi chữ Nho và khá ranh mãnh, biết đánh giá từng người và thấy rõ những mặt trái của các quan viên trong làng. Phan Khôi muốn ngụ ý giai cấp thống trị thời nào cũng chẳng mấy tốt đẹp, và dầu khéo che đậy cách mấy vẫn không qua mặt được dân chúng.

2.- CUỘC ĐẤU TỔ CÁC VĂN NGHỆ SĨ

Bốn ngày trước khi báo Văn số chót (số 36) được ấn hành, bộ chính trị trung ương đảng lao động ra nghị quyết ngày 6.1.1958 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ do Trường Chinh ký, nội dung có đoạn viết:

“Khuyh hướng phá hoại của nhóm Nhân Văn bị đánh lui, những người tham gia nhóm đó bị số đông văn nghệ sĩ phản đối. Tuy vậy cuộc đấu tranh chống khuyh hướng Nhân Văn mới ở bước đầu, những hoạt động nguy hại và bộ mặt thực về chính trị của những phần tử xấu trong nhóm Nhân Văn chưa bị bóc trần trong giới văn nghệ...Số đông văn nghệ sĩ tập trung ở Hà Nội, mấy năm nay đã xa rời thực tế lao động và sinh hoạt của quần chúng công nông binh, lại rất ít học tập chính trị không hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chưa được giáo dục về tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, lập trường chính trị rất mơ hồ, ý chí phấn đấu cách mạng giảm sút nghiêm trọng, trạng thái giao động hoang mang còn nặng, ngay cả trong hàng ngũ đảng viên, ranh giới giữa địch và ta có lúc bị lu mờ, tình trạng mất cảnh giác là phổ biến. Đồng thời tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tự mãn, tự kiêu ngạo, hiếu danh, tham tiền, tư tưởng an nhàn hưởng lạc ngày càng nảy nở. Tư tưởng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, chia bè nhóm cũng đang trên đà phát triển...Cần có kế hoạch

Nghị quyết này báo hiệu một màn thanh trừng mới: Văn nghệ sĩ phải thấm nhuần đường lối xã hội chủ nghĩa (tức chỉnh huấn), phải xâm nhập thực tế (nghĩa là cưỡng bức lao động), và phải học tập chính sách cách mạng mới của đảng lao động.

Trước tiên, tiểu ban văn nghệ trung ương của đảng tiến hành kiểm tra toàn bộ các tổ chức văn hóa, hội nhà văn, hội âm nhạc, hội mỹ thuật, ngành sân khấu, ngành điện ảnh, các Trường Đại Học, nhất là các khoa văn và sử. Tiểu ban văn nghệ phối hợp chặt chẽ với vụ bảo vệ văn hóa của ngành công an, phân loại các thành phần văn nghệ sĩ trí thức như sau: (a) đối tượng (để đấu tranh, tức là loại bị xếp vào hạng phản động, phá hoại), (b) “những người có vấn đề” (bị coi là sai lầm nhưng chưa hẳn ngoan cố), (c) “những người lưng chừng” (chưa tích cực đấu tranh), (d) “chỗ dựa” (lập trường theo đảng vững). (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 29)

Tiểu ban văn nghệ trung ương tổ chức hai đợt học tập: Đợt đầu vào tháng 2.1958 gồm 172 người tham dự, và đợt thứ hai vào tháng 3.1958 với 304 người tham dự. Mục đích cuộc học tập này để nghiên cứu nghị quyết về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ của Bộ chính trị và hai nghị quyết của hội nghị các đảng Cộng Sản tại Moscow vào cuối năm 1957. (33) Có bốn người không chịu tham dự các cuộc học tập này. Đó là Phan Khôi, Thụy An Lưu Thị Yến, Nguyễn Hữu Đang, và Trương Tửu. Công an liền bắt Thụy An và Nguyễn Hữu Đang giam ngục thất Hỏa Lò, Hà Nội. Phan Khôi quá già, uy tín lại lớn, nhất là đối với những người miền Nam tập kết ra Bắc, nên cộng sản không bắt, nhưng cô lập ông ta. Còn Trương Tửu thì bị cất chức Giáo Sư Đại Học Văn Khoa, gia đình bị bao vây kinh tế, vợ bị rút giấy phép buôn bán. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 36)

Mở đầu cuộc học tập, ban tổ chức cho biết yêu cầu quan trọng nhất của trung ương đảng là phải làm trong sạch đội ngũ đảng viên trong giới văn nghệ sĩ và trí thức, các văn nghệ sĩ phải chọn một thế đứng dứt khoát, hoặc về “phe ta” hoặc theo “phe địch”, chứ không thể lưng chừng. Học xong nghị quyết của đảng, mỗi học viên phải tự làm “kiểm thảo”, thành thật khai báo những sai lầm của mình để mọi người phê phán và góp ý sửa đổi.

Thực chất việc kiểm thảo này là một cuộc chỉnh huấn và đấu tố các văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhóm đối tượng và nhóm những người có vấn đề. Chẳng những chỉ bị “tố giác, hỏi cung tập thể”, các văn nghệ sĩ và trí thức thuộc hai nhóm này còn bị công an “làm việc” riêng một cách tích cực nữa.

Ngoài ra, để sửa soạn dư luận cho một cuộc đàn áp rộng lớn đang được chuẩn bị, những văn nghệ sĩ và trí thức trên bị các báo của đảng lao động đả kích thường xuyên trong nhiều tháng. Nhà văn Nguyễn Minh Cần, lúc đó là phó chủ tịch ủy ban hành chính (tương đương phó thị trưởng) Thành Phố Hà Nội, trưởng ban tuyên huấn thành ủy, kiêm chủ nhiệm báo Thủ Đô, cho biết: *“Các bài “đánh” anh em Nhân Văn Giai Phẩm đều do ban tuyên huấn trung ương đặt người viết, kể cả các bài đăng ở các báo địa phương như Hà Nội, Hải Phòng...Đảng làm việc này chặt chẽ lắm! Có kế hoạch chuẩn bị từ trước của trung ương là bài nào đăng ở báo nào, ai viết, viết gì...Các thành ủy, các địa phương không phải bàn cãi, cứ thế mà làm.”* (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 72).

Từ tháng 3.1958, các số nhân dân ngày 2.3, 12.3, 14.4 liên tục đăng nhiều bài tố cáo Trần Dần, Hoàng Cầm, Trần Duy, Tửu Phác. Sau đợt học tập thứ hai, những

Báo văn nghệ, số 11, xuất bản đầu tháng 4.1958, đăng bài của Hoài Thanh kể tội Trương Tửu: “*Cách mạng tháng tám thành công ngày 19.8.1945. Ba tuần sau, vào ngày 10.9.1945, Trương Tửu xuất bản quyển Tương Lai Văn Nghệ Việt Nam. Trong quyển sách cũng như trong lời tựa, hoàn toàn không có lấy một lời nói đến cách mạng tháng Tám. Vẫn một lối huênh hoang và bịp bợm cũ, nó làm như chỉ có nó mới là triết để cách mạng. Một mặt nó bóp méo, bịa đặt để vu khống... Một mặt khác nó xuyên tạc lời nói của các lãnh tụ. Nó trích dẫn Mác đã kích chính quyền phản động cũ để gián tiếp đã kích chính quyền ta.*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 32).

Trên nhân dân ngày 12.4.1958, Thế Lữ tố khổ Phan Khôi, Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Nhân Văn: “*Phan Khôi phản cách mạng, ngấm ngầm chống đảng lãnh đạo cách mạng từ trong kháng chiến, đó là việc hiện giờ ta thấy rõ hiển nhiên. Phan Khôi vẫn khoe là được Hồ Chủ Tịch tặng một chiếc áo lụa, và kể cho tôi nghe một chuyện gặp Hồ Chủ Tịch. Chuyện được áo, tôi không thấy ông ta tỏ ra một ý nào gọi là cảm kích. Phan Khôi không cảm thấy được rằng một cử chỉ đơn giản đó của Người biểu trưng cho một tình bao dung nhân ái rộng lớn dồi dào của đạo đức cách mạng.*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 33).

Báo thủ đô, xuất bản tại Hà Nội, số ngày 23.4.1958, đăng bài của tác giả Xuân Dung tố cáo bà Thụy An: “*...Có người (hiện đương ở Hà Nội), lại trông thấy Thụy An ngồi chung xe với tên tướng giặc Cô-nhi [Cogny], ấy là chưa kể có tin nó vào Sài Gòn rồi trở ra Hà Nội, một tháng trước khi tiếp quản... Giải phóng thủ đô, nhiều người lạ lùng vì sự có mặt của con này. Riêng cái việc xuống Hải Phòng khi ta chưa tiếp quản, rồi lại về Hà Nội một cách đàng hoàng cũng đủ cho ta suy nghĩ...*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 30).

Trên báo nhân dân ngày 1.5.1958, trong bài “*Vạch Mặt Bọn Nhân Văn Giai Phẩm*”, Nguyễn đình Thi đã tố cáo: “*Rọi sáng cái ổ Nhân Văn-Giai Phẩm ấy, chúng ta thấy hiện lên những tên tác động tinh thần, mặt thám, những bọn lái buôn văn nghệ, những tên phản cách mạng già đời, tất cả bọn chúng ngoặc với một số người văn nghệ từ chỗ sa đọa đi tới phản động về chính trị... Trong đời sống, những phần tử Nhân Văn-Giai Phẩm đã trở lại là những “câu ám con quan”, “công tử nhà giàu”, có cả những chủ nợ lãi, chủ nhà thổ lậu, hoặc những kẻ sống nửa lưu manh, không có đất đứng trong xã hội...*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 30).

Báo văn nghệ số 12 ra đầu tháng 5.1958, Bùi Huy Phồn trở lại “đánh” Trương Tửu thêm một lần nữa: “*Có người thấy Trương Tửu theo đuổi được chín mươi năm [kháng chiến] cũng là một điều kỳ lạ. Tôi thì tôi muốn đặt ngược lại vấn đề: Trương Tửu theo kháng chiến có phải thực tâm tán thành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của chúng ta, hay vì “mục đích” gì khác nữa?... Trong khi giảng dạy ở Trường Đại Học, hoặc nói chuyện với những sinh viên thân cận, Trương Tửu đưa ra một mớ lý luận sặc mùi tư-ró-kít nếu không là gián điệp: Nào là “giai cấp công nhân sắp hết vai trò sản xuất, quân đội sắp hết vai trò chiến đấu trong thời đại nguyên tử này”. Để làm gì, nếu không nhằm làm tê liệt ý chí đấu tranh và sản xuất của các tầng lớp cơ bản trong nhân dân ta...*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 32).

Trong giới Giáo Sư Đại Học, Giáo Sư Phạm huy Thông đã phê phán Giáo Sư Trần Đức Thảo một cách cay độc trên nhân dân số ngày 4.5.1958: “*Trở nên môn đệ của Giảng Pôn Xác [Jean Paul Sartre], Thảo đã tham gia những hoạt động văn hóa và chính trị phản động của nhóm “Thời Nay” [Les Temps Modernes] do Xác chỉ huy, nêu cao thuyết “sinh tồn” [Existentialisme], một thuyết phản động về triết học và chính trị, chủ yếu nhằm chống lại phong trào cộng sản ở các nước phương*

Trên văn nghệ số 12, Nguyễn Hữu Đang bị một người viết ký tên là Hồng Vân tố cáo: *“Hắn là con một tên Chánh Tổng ở Thái Bình. Chính gia đình địa chủ cường hào này đã rèn luyện cho hắn cái đầu óc thích “ăn trên ngồi tróc”, thích địa vị với nhiều thủ đoạn nham hiểm và tàn nhẫn... Trong Chiến Tranh Thế Giới Thứ Hai, để quốc lỏng lẻo khủng bố, toàn bộ đảng ta rút vào bí mật. Không những cán bộ, đảng viên, mà cả những đoàn viên thanh niên dân chủ cũng bị lùng bắt. Còn Nguyễn Hữu Đang vẫn hoạt động công khai trong phong trào truyền bá quốc ngữ...”* (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 31).

Sau hai lớp học tập vào tháng 2 và 3.1958 và sau khi các báo đảng liên tiếp đăng bài đả kích, “vạch mặt” các văn nghệ sĩ và trí thức “phản động” trong nhóm Nhân Văn và Giai Phẩm, ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam nhóm họp tại Hà Nội ngày 4.6.1958 để tổng kết và ra nghị quyết lên án gắt gao nhóm văn nghệ sĩ và trí thức này. Trong “Báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm”, đọc tại cuộc họp, có những đoạn Tố Hữu viết: *“...Cuộc đấu tranh từ năm tháng nay chống nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” trên mặt trận văn nghệ, một cuộc đấu tranh quyết liệt, có tính cách quần chúng và toàn quốc, chưa từng thấy mấy chục năm nay... Dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của đảng ta, cuộc giao phong tư tưởng vừa qua đã giành được thắng lợi lớn... Lật bộ áo “Nhân Văn-Giai Phẩm” thối tha, người ta đã thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trót-kít, địa chủ tư sản phản động, quản tu trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách “chống cộng”, phim ảnh khiêu dâm...”* (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 34).

Thế rồi, Tố Hữu gọi các văn nghệ sĩ là: *“bọn trót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo... Bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản đảng... Bọn Trần Dần, Tử Phác, những tên phản đảng, những đứa con hư của Hà Nội cũ... Tên mật thám Trần Duy... Bọn Phan Khôi, mật thám cũ của thực dân Pháp... Bọn gián điệp Thụy An...”* Và Tố Hữu khép họ vào các tội danh: *“...ra mặt phản cách mạng, đánh thẳng vào chế độ của sự lãnh đạo của đảng... âm mưu gây biến động... Lũng đoạn hội nhà văn và các cơ quan nghệ thuật, xây dựng “pháo đài” chống cách mạng ở Trường Đại Học... Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản... Khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và đảng lãnh đạo... chống lại nền chuyên chính vô sản, chống lại toàn bộ cách mạng xã hội chủ nghĩa... gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản... Ra sức chửi rủa cái mà chúng gọi là chủ nghĩa Xtalin, vu khống đảng ta là “giáo điều”, “nô lệ” và vu khống các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, Trung Quốc...”* (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 35).

Riêng nhóm Nhân Văn và Giai Phẩm, Tố Hữu lên án là “phản động”, “phản cách mạng” vì nhóm này dám: *“Phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, đòi “tự do độc lập” của văn nghệ, rêu rao “sứ mạng chống đối” của văn nghệ, phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên con đường trừu tượng... đả kích văn nghệ kháng chiến của ta... phủ nhận hoàn toàn phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, coi đó là một sản phẩm của “thời kỳ Xta-lin”... Đòi trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ thực ra là đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng...”* (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 35).

Ngày hôm sau, 5.6.1958, cũng ngay tại Hà Nội, 800 văn nghệ sĩ họp để bàn thảo một nghị quyết gọi là “Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ”, phụ họa với nghị quyết

Tuy đã phê bình, kiểm điểm, đấu tố, nhưng vào tháng 7.1958, trong bài “Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao” trên tạp chí văn nghệ số 14, thi sĩ Xuân Diệu vẫn còn đả kích Văn Cao là “con người phản phúc hai mặt, giả dối như con mèo, là một tên phù thủy toan dùng âm binh để chọi nhau với đảng.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 220)

Sau khi kiểm thảo, tự làm tội thú tội, các văn nghệ sĩ bị cưỡng bức đưa đi lao động học tập. Những người bị “tội” nặng thì đi xa, lên các vùng núi non nước độc, những người bị “tội” nhẹ thì đi gần hơn ở các vùng trung du hay vùng đồng chua nước mặn duyên hải. Tạp chí văn nghệ, số 14, tháng 7.1958, trong bài “Năm chắc lầy vũ khí chiến đấu của chúng ta” cho thấy lý do vì sao cần lao động học tập: “Mọi người đều thấy là cần thiết và rất hoan nghênh một việc quan trọng mà ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật đã đề ra là tất cả các văn nghệ sĩ đều phải cố gắng, tích cực đi vào thực tế đời sống công nông binh “tham gia lao động”. Tất nhiên nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm cũng đi với chúng ta, nhưng việc làm của họ có ý nghĩa hoàn toàn khác [để thử thách, theo dõi].” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 37).

Toàn bộ hồ sơ của vụ Nhân Dân và Giai Phẩm được ban tuyên huấn đảng lao động gom lại trong quyển sách nhan đề là Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dự luận do nhà xuất bản sự thật, phát hành tại Hà Nội năm 1959. Trong tiêu mục “Cái ổ chuột “Nhân Văn- Giai Phẩm” bị vạch trần trước ánh sáng của dự luận”, sách này đã lên danh sách những người đã tham gia Nhân Văn và Giai Phẩm như sau: “Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên [tức hai cuộc học tập vào tháng 2 và 3.1958], chúng ta được biết nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” bao gồm những tên đầu sỏ, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho Nhân Văn-Giai Phẩm như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dân, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yên Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, và Lê Đại Thanh...Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt).” (Sách Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm...từ trang 309-310). Về sau, có thêm Hữu Loan và một vài người nữa (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 36)

Tuy thế, mọi sự vẫn chưa hết. Nhà nước cộng sản còn đưa một số người mà họ cho rằng đầu sỏ nhất ra tòa. Đó là Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (chủ nhà sách Minh Đức), Phan Tài, và Lê Nguyên Chi.

3.- TRƯỚC TÒA ÁN NHÂN DÂN

Dưới chế độ cộng sản, chỉ có một cơ quan được mang danh “nhà nước”, đó là “Ngân hàng nhà nước”, chuyên phát hành tiền bạc, còn bất cứ cơ quan nào cũng được gọi là “nhân dân”, như “Quân đội nhân dân”, “Công an nhân dân”, “Tòa án

Nhà cầm quyền cộng sản quyết định đem ra xét xử vào tháng 1.1960 các nhân vật chủ chốt vận động và bảo trợ phong trào văn học đối kháng Giai Phẩm và Nhân Văn trước tòa án nhân dân Hà Nội. Có một vấn đề tế nhị họ muốn tránh né: Không thể xét xử những người này trong “vụ án văn chương”, bởi vì “vụ án văn chương” có thể gây phản ứng bất lợi ở trong cũng như ngoài nước, nên họ phải tìm một lý do khác để ngụy trang. Chỉ thị của đảng lao động ra lệnh phải xét xử nhanh, gọn, hạn chế đến mức tối thiểu, tránh gây xôn xao dư luận. (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 37)

Muốn thế phải quy chụp các nạn nhân vào một tội danh hoàn toàn không dính líu gì đến chuyện văn chương tư tưởng. Ngay từ khi bắt đầu đả kích Nhân Văn và Giai Phẩm năm 1956, các báo của cộng sản đều gán cho nhóm này tội “mật thám, gián điệp”. Lý do này có tính cách bí mật quốc phòng, chủ quyền quốc gia, không dính líu gì đến chuyện văn chương tư tưởng, nên không một ai, kể cả người nước ngoài, có thể viện cớ gì để kêu ca can thiệp. Như thế, lý do này rất thích hợp để cộng sản kết tội bà Thụy An và các ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo.

Lúc đó, đài truyền thanh thành phố Hà Nội và các báo nhà nước ngày nào cũng ra rả rằng một vụ án gián điệp quan trọng đang được xét xử công khai trước tòa án nhân dân. Vụ án được trực tiếp truyền thanh trên đài phát thanh và trên các loa đặt khắp Thành Phố Hà Nội để dân chúng theo dõi. Tuy công khai, nhưng ai có giấy mời mới được tham dự. Giấy mời do sở công an Hà Nội phân phối. Khách nước ngoài không được có mặt. Đặc biệt hơn các tòa án đấu tố cải cách ruộng đất trước đây, lần này tòa mở ra với đầy đủ bộ phận, có công tố, bồi thẩm đoàn, luật sư bào chữa, hình thức rất đầy đủ, nhưng ai cũng biết ngay cả luật sư bào chữa cũng là người của nhà cầm quyền.

Theo bản cáo trạng, bà Thụy An Lưu Thị Yến đã quen biết và giao thiệp với Maurice Durand, một nhà nghiên cứu người Pháp, nhân viên Trường Viễn Đông Bác Cổ trước năm 1954. (34) Cũng theo cáo trạng, Maurice Durand là điệp viên cho thực dân Pháp. Làm điệp viên cho thực dân Pháp cũng có nghĩa là làm việc cho đế quốc Mỹ. Bà Thụy An liên lạc với Maurice Durand làm gì nếu không phải là tiếp tay làm gián điệp cho Durand ?

Tác giả Nguyễn Minh Cần, chứng kiến tại chỗ phiên tòa, kể lại rằng luật sư bào chữa cho Thụy An là một thanh niên do thành đoàn thanh niên lao động thành phố Hà Nội cử ra. (Đoàn thanh niên lao động là đoàn thể của đảng lao động, để huấn luyện, tuyển chọn và giới thiệu thanh niên vào đảng.) Tuy phát biểu cho có hình thức, nhưng anh thanh niên này nói hơi nhiều cho thân chủ. Khi đó, Hoàng quốc Việt (Hạ bá Cang), viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao, đến theo dõi phiên tòa, đã rất bức tức hỏi Trần danh Tuyên, bí thư thành ủy Hà Nội: “*Thằng này có phải là đảng viên không đấy ? Nó mà nói thế thì làm sao tiện cho án quyết ?*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 75).

Theo công an cộng sản, Thụy An cộng tác với Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiếu Bảo cùng xuất bản các báo Giai Phẩm và Nhân Văn, vậy là hai người này đã tiếp tay với Thụy An, làm gián điệp, ra báo đánh phá cách mạng. Hai người khác không thuộc văn giới cộng tác với ba người này về vấn đề tài chánh và in ấn là Phan Tài và Lê Nguyên Chi cũng bị xem là nằm trong dây chuyền gián điệp. Thế là cả năm bị kết tội gián điệp. Dầu không có bằng chứng gì cụ thể, tòa án nhân dân Hà Nội ngày 21.1.1960, đã kêu án cả năm người tổng cộng là 50 năm tù giam, chia ra như sau: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, mỗi người 15 năm, Trần Thiếu Bảo, 10 năm, Phan Tài và Lê Nguyên Chi, mỗi người 5 năm.

Những biện pháp kỷ luật công khai trên đây, từ những vụ đấu tố trong các hội văn học nghệ thuật, đến bản án ngày 21.1.1960 chỉ là mặt nổi của một tảng băng thạch. Theo nguyên tắc vật lý, mặt chìm chiếm tới chín phần mười tảng băng. Vấn đề Nhân Văn và Giai Phẩm cũng thế, mặt chìm rộng lớn hơn rất nhiều, nhưng ít ai hay biết vì không được công bố lên báo chí. Trong một thời gian dài, nhiều văn nghệ sĩ (như Trần Dần, Phùng Quán, Bùi Quang Đoài...) và trí thức (như Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu...) bị khủng bố, hăm dọa, điều tra xét hỏi, sa thải, đui học, thuyên chuyển, cô lập, chỉ định cư trú, hoặc bị bắt giam lâu năm không có án...Phần nhiều đã bị đày đọa điều đứng cho đến những ngày cuối đời.

CHÚ THÍCH

32.- Pétofi, Sandor (1823-1849): Nhà thơ yêu nước Hung Gia Lợi, năm 1848 tham gia cách mạng, viết nhạc, và tử trận tại Segesvár. Thơ ca ông đầy tình tự dân tộc, chống lại phong cách học phiệt cổ điển, mở đầu một kỷ nguyên mới trong văn học Hung Gia Lợi. Sau Thế Chiến Thứ 2, thanh niên, sinh viên Hung Gia Lợi lấy tên ông lập ra câu lạc bộ Pétofi, biểu lộ ý ngậm yêu nước, chống Liên Xô.

33.- Nhân kỷ niệm 40 năm cách mạng tháng 10 Nga, các đảng cộng sản trên thế giới họp tại Moscow từ ngày 14 đến 16.11.1957 đã ra tuyên cáo chung. Về phía Bắc Việt có Hồ Chí Minh, Lê Duẩn và Phạm Hùng dự, không có Tito của Yougoslavia vì Tito muốn xây dựng chế độ cộng sản quốc gia và không liên kết. Ngày 22.11.1957, các đảng cộng sản trên thế giới lại họp tại Moscow lần nữa vào ngày 22.11.1957, ra tuyên bố chống chủ nghĩa "xét lại" của Tito. (Chính Đạo, sách đã dẫn, từ trang 117-118)

34.- Maurice Durand, hội viên Trường Viễn Đông Bác Cổ, cùng với Pierre Huard, hội viên danh dự trường Viễn Đông Bác Cổ, viết sách *Connaissance du Việt-Nam*, do Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội ấn hành năm 1954.

VII.- TẠI SAO LẠI CÓ BẢN ÁN

Ngang đây, có hai câu hỏi được đặt ra về phiên tòa ngày 21.1.1960: Thứ nhất, tại sao chỉ xét xử và kêu án năm người trong vụ Nhân Văn và Giai Phẩm?...Thứ hai, vụ Nhân Văn và Giai Phẩm bị dẹp vào cuối năm 1956, các văn nghệ sĩ và trí thức bị tập trung học tập và đấu tố từ năm 1958, nay tại sao vào năm 1960 lại đưa ra tòa xét xử công khai và cho loan báo rộng rãi trên đài truyền thanh và trên báo chí?

1.- TẠI SAO CHỈ KÊU ÁN NĂM NGƯỜI ?

Để trả lời câu hỏi này, tốt nhất là tìm hiểu thêm về các nhân vật bị kêu án. Thụy An Lưu Thị Yến và Nguyễn Hữu Đang là hai người không chịu tham dự hai khóa học tập vào đầu năm 1958. Không tham dự học tập đường lối chính sách của đảng, dưới chế độ cộng sản có nghĩa là chống đối. Tội chống đối cần phải trừng trị, vì nếu không thì cộng sản không thể điều khiển được các văn nghệ sĩ khác.

Trong lý lịch của Thụy An, có một điểm mà ngành công an cộng sản dùng để khai thác và dựng nên vụ án: Bà đã từng sống ở Hà Nội trước năm 1954, giao dịch với người Pháp, quen thân với Maurice Durand. Đây là



Trong sách Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dư luận do nhà xuất bản sự thật, phát hành tại Hà Nội năm 1959, có đề cập đến hai bài viết của bà là “Bích Xu Va” và “Trường hợp tổng quân của Thiếu Úy Lâm”. (Thụy Khê, bài đã dẫn) Thụy An là người vận động tích cực anh em văn nghệ sĩ biểu lộ thái độ phản kháng, và có nhiều ảnh hưởng tác động tới họ, đến nỗi Nhà Thơ Lê Đạt cho rằng cứ mỗi lần gặp Thụy An là ông cảm thấy “mình tài giỏi thêm và chán nản thêm, lòng tin tưởng [đối với chế độ] của tôi mất dần khi Thụy An nói đến những con người không đất đứng và tôi cũng tự hỏi đất đứng của mình ở đâu ?” (Thụy Khê, bài đã dẫn)

Đàng sau những chứng lý và tiết lộ trên đây, cộng sản cố tình triệt hạ Thụy An thật ra còn vì những lý do sâu xa hơn. Trong sách Nhà Văn Hiện Đại, khi kết luận chương viết về Thụy An, Vũ Ngọc Phan nhận xét rằng: “Hàn Mặc Tử đã đem vào thi ca Việt Nam lòng tin tưởng ở Đạo Da Tô với giọng say sưa đậm ấm. Thụy An cũng xây dựng cho tiểu thuyết của bà có những nhân vật cạy ở Đấng Cứu Thế, ở Đức Mẹ Đồng Trinh và sẵn lòng nhịn nhục hy sinh...” (Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn, trang 1118.)

Ngoài đời, Thụy An liên lạc với một người bạn khá nổi tiếng là Đỗ Đình Đạo. Nhiều người cho rằng Đỗ Đình Đạo không phải chỉ là người bạn bình thường đối với Thụy An, mà còn là một người tình (?) của Thụy An. Đỗ Đình Đạo là người theo Ky-Tô Giáo, cha bị Việt Minh giết. Ông là một lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng cộng tác hoạt động với Đại Việt Quốc Dân Đảng của Trương Tử Anh, (35) chống cộng tích cực, và ủng hộ cựu Hoàng Bảo Đại. Năm 1952, Thủ Tướng chính phủ dưới quyền của Quốc Trưởng Bảo Đại là Nguyễn Văn Tâm, giao cho Đỗ Đình Đạo điều khiển Đoàn Quân Thứ Lưu Động (Groupe Administratif Mobile en Opérations, viết tắt GAMO) ở Bắc Việt. Theo tác giả Chính Đạo, trong Việt Nam niên biểu nhân vật chí, năm 1954 Đỗ Đình Đạo “bị chết tại nhà nữ văn sĩ Thụy An. Có tin bị đầu độc.” (Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí, Houston: Văn Hóa, 1997, trang 105.)

Lúc đó, nhà chức trách chính quyền Quốc Gia ở Hà Nội nghi ngờ Thụy An theo lệnh của Việt Minh, ám sát Đỗ Đình Đạo, nên đã bắt giam bà. Sau hiệp định Genève ngày 20.7.1954, khi đất nước bị chia hai, bà được chính quyền Quốc Gia chuyển vào Nam. Đến Hải Cảng Hải Phòng, bà bỏ trốn và ở lại Hà Nội. (36)

Phải chăng vì Thụy An là một người theo Đạo Ky-Tô, đã từng viết sách truyền bá đức tin của mình, lại đào thoát được khi đang bị dẫn độ về Nam, khiến cộng sản nghi ngờ rằng việc này chỉ là cảnh dàn dựng để bà ở lại đất Bắc, nên Thụy An bị quy chụp tội làm gián điệp? Bắt giam Thụy An, cộng sản còn nhắm đe dọa cả những người theo Ky-Tô Giáo lúc đó còn ở lại Hà Nội.

Nguyễn Hữu Đang thì đặc biệt hơn. Ông từng là trưởng ban tổ chức ngày lễ 2.9.1945 tại Hà Nội (ngày Hồ chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập), thứ trưởng một bộ trong chính phủ Việt Minh, và đảng viên đảng lao động từ 1947 đến 1951. Sau năm 1954, ông từ chối không nhận chức bộ trưởng nào cũng như không trở lui sinh hoạt đảng.

Trong đợt học tập 18 ngày (từ 1 đến 18.8.1956), Nguyễn Hữu Đang, đại diện tổ 2 đọc bài tham luận rất sắc sảo gồm ba điểm chính: Đường lối lãnh đạo văn nghệ của trung ương đảng hẹp hòi, trung ương đảng chưa có chính sách hẳn hoi về văn nghệ, và tổ chức không hợp lý, không trong sạch, có tính bè phái. Trong lúc đọc bài

Theo lời Thi Sĩ Hữu Loan trong cuộc phỏng vấn của báo Thông Luận vào đầu thập niên 90, được Nguyễn Văn Trấn đăng lại trong *Viết Cho Mẹ và Quốc Hội*, đã xuất bản ở trong nước, và tái bản ở hải ngoại, khi có người hỏi vì sao không nhận chức bộ trưởng và trở lại sinh hoạt đảng vào năm 1954, Nguyễn Hữu Đang trả lời rằng “Nội bộ thiếu dân chủ trầm trọng, mình bây giờ một mình một đảng.” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 278)

Quan trọng hơn, cũng theo lời Hữu Loan: “Bài báo bị cho là phản động, phản đảng, phản dân nhất của Nhân Văn là bài “Vấn Đề Pháp Trị” do Nguyễn Hữu Đang viết. Trong bài, ý nói sờ đĩ chỗ nào cũng có áp bức chà đạp lên con người là vì chưa có pháp luật rõ ràng. Tòa án là một thứ tòa án tha hồ tùy tiện còn hơn “Tôn giáo pháp đình” của Giáo Hội Trung Cổ. Muốn bắt ai thì bắt, muốn xử ai thì xử, bịa ra luật nặng nhẹ tha hồ để xử... Bài báo kêu gọi cần phải pháp quyền thì người dân mới bình đẳng trước pháp luật...” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 274)

Bài báo mà Hữu Loan nói đến trên đây có nhan đề là “Cần phải chính quy hơn nữa”, đăng trên Nhân Văn số 4 ra ngày 5.11.1956. Mở đầu bài báo, Nguyễn Hữu Đang đề cập đến một ý trong bản báo cáo của Khrushchev tại đại hội thứ 20 đảng cộng sản Liên Xô, đó là nhắc nhở các cấp đảng, chính phủ, và công đoàn phải tôn trọng pháp luật và tố cáo, vạch mặt bất cứ ai phạm pháp.

Dựa vào lời của Khrushchev, Nguyễn Hữu Đang đặt câu hỏi tại sao sau 38 năm (từ cuối 1917 đến 1956) kiến thiết xã hội chủ nghĩa, với hai lần đặt hiến pháp và nhiều lần sửa đổi luật pháp, mà Liên Xô vẫn phải đặt lại vấn đề pháp trị? Từ đó Nguyễn Hữu Đang kết tội Stalin, Beria và phe nhóm đã vi phạm trầm trọng chế độ pháp trị, coi thường pháp luật. Nguyễn Hữu Đang cho rằng điều này cũng diễn ra ở Bắc Việt. Ông viết: “Trong Cải Cách Ruộng Đất, những việc bắt người, giam người, tra hỏi (dùng nhục hình dã man), xử tù, xử bắn, tịch thu tài sản, hết sức bừa bãi, bậy bạ, cũng như việc bao vây đến làm chết đói những thiếu nhi vô tội trong các gia đình địa chủ (hoặc chính nông dân mà bị quy sai thành phần), không phải chỉ hoàn toàn do sự lãnh đạo kém cỏi mà còn do thiếu chế độ pháp trị hẳn hoi... Do pháp trị thiếu sót mà cải cách ruộng đất hỏng to đến thế. Do pháp trị thiếu sót mà quân đội chưa có chế độ binh dịch hợp lý, công an hỏi giấy giá thú đôi vợ chồng ngồi ngắm trăng bên bờ hồ, hộ khẩu rình bên cửa sổ khiến người mất ăn mất ngủ, cán bộ thuế tự tiện vào khám nhà người kinh doanh, ở khu phố có chuyện đuổi nhà lung tung hoặc ép buộc người ở rộng phải nhường lại một phần nhà cho cán bộ hay cơ quan ở. Do pháp trị thiếu sót mà nhiều cơ quan bóc xem thư của nhân viên và một ngành quan trọng nọ đòi thông qua những bài báo nói đến mình làm như một bộ phận của nhà nước lại có quyền phục hồi chế độ kiểm duyệt mà chính nhà nước đã bãi bỏ. Do pháp trị thiếu sót, người ta đã làm những việc vu cáo và đe dọa chính trị trắng trợn, ngăn cản việc mua đọc báo Nhân Văn, hành hung báo Trăm Hoa...” (Nhân Văn số 4, Hà Nội, 5.11.1956.)

Nguyễn Hữu Đang kết luận bài báo bằng những đề nghị: “1) Thi hành hiến pháp (hoặc hiến pháp năm 1946 sửa đổi cho thích hợp với hoàn cảnh ngày nay, hoặc hiến pháp mới sẽ đặt ra). Trên cơ sở hiến pháp, quốc hội sẽ biểu quyết những đạo luật thay các sắc lệnh và những văn kiện khác. 2) Quốc hội họp đều, sáu tháng một kỳ. Không có lý gì trong hoàn cảnh hòa bình mà công việc của quốc hội vẫn khoán trắng cho một ban thường trực gần như không hoạt động gì. 3) Chấn chỉnh ngành tư pháp, chủ yếu là tăng quyền hành thực sự của bộ tư pháp.” (Nhân Văn số 4, Hà Nội, 5.11.1956.)

Vấn đề pháp trị, nền tảng căn bản của tổ chức xã hội, là phần nhạy cảm, dễ bị dị ứng nhất của chế độ độc tài cộng sản, vì có pháp trị thì làm sao có thể độc tài? Chỉ một bài báo ngắn, khoảng trên 1.500 chữ, mà Nguyễn Hữu Đang đã đụng chạm đến quá nhiều vấn đề cốt lõi cấm kỵ đối với đảng lao động: Chỉ trích Stalin, đả kích Cải Cách Ruộng Đất và quy lỗi sai lầm do chế độ thiếu pháp trị (trong khi nhà nước cộng sản cho là Cải Cách Ruộng Đất thành công và chỉ có một số ít sai lầm do cá nhân yếu kém thiếu sót), chê bai chế độ quân dịch không hợp lý (điều này làm cho nhà cầm quyền Hà Nội rất lúng túng, vì họ đang cần tuyển quân vô thời hạn để đưa vào tấn công miền Nam), đả kích nền hành chánh (công an, thuế vụ, nhà đất) tùy tiện, và đề nghị nêu cao tinh thần trọng pháp, chấn chỉnh pháp luật.

Vấn đề pháp trị đã được Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đặt ra trong bài phát biểu nhan đề là “Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo”, tại mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội ngày 30.10.1956. Sau khi vạch ra những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đề nghị đường hướng sửa chữa: “1) Một chế độ pháp trị chân chính. 2) Một chế độ thực sự dân chủ. 3) Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 293-315.) Chính vì đòi hỏi pháp trị mà Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường bị cộng sản Hà Nội trừ danh và sau đó bị cô lập, hành hạ đến cuối đời mà ông tự gọi là người bị “rút phép thông công” (l'excommunié). Lúc đó cộng sản mới về Hà Nội, đang ổn định tình thế, cần lấy lòng trí thức và nhất là các nước ngoài nên cộng sản không giết ông Nguyễn Mạnh Tường vì uy tín văn hóa ông quá lớn, nhất là tại Pháp, nơi ông đỗ hai bằng tiến sĩ (văn chương và luật khoa) trong cùng năm 1932, lúc ông mới 23 tuổi.

Bài báo do Nguyễn Hữu Đang đưa ra (5.11.1956) sau Nguyễn Mạnh Tường thuyết trình không đầy một tuần lễ (30.10.1956). Bài nói chuyện của Luật Sư Tường chỉ phổ biến giới hạn trong cử tọa của buổi nói chuyện hôm đó, chứ không đăng báo ở Hà Nội, nhưng không biết vì sao qua được Rangoon (Miến Điện), rồi sang Paris. (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 294.) Ngược lại, bài báo của ông Nguyễn Hữu Đang, tuy không khúc chiết như bài của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, nhưng lại xuất hiện công khai và phổ biến rộng rãi ở Hà Nội và Bắc Việt. Dĩ nhiên là đảng lao động không thể dung thứ quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường cũng như của Nguyễn Hữu Đang.

Riêng một bài báo ngắn của Nguyễn Hữu Đang cũng đủ đưa ông đi tù, nhưng đảng lao động chưa đụng đến ông ngay, vì ông là người có công với cuộc kháng chiến, lại có uy tín ở Hà Nội. Trong bản tự kiểm điểm sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, Trần Dần đã viết về Nguyễn Hữu Đang như sau: “Nếu không có đảng, không ai có thể tập hợp anh em được, sẽ không có những tham luận đề nghị gặp trung ương, cũng không có tờ Nhân Văn.” (Thụy Khê, bài đã dẫn.). Chẳng những Trần Dần đánh giá cao Nguyễn Hữu Đang, mà đảng lao động cũng đánh giá cao ông này, nhìn thấy nơi ông là một nhân vật có khả năng lãnh đạo đám đông, nên rất lo ngại. Với chủ trương độc tài, độc tôn, độc đảng, họ không muốn ai cạnh tranh quyền lãnh đạo của họ. Đến lúc Nguyễn Hữu Đang không chịu dự khóa học tập vào đầu năm 1958, cộng sản mới dựa vào lý do đó, bắt ông giam ngục thất Hỏa Lò, Hà Nội.

Do những lẽ trên, sẽ không lấy làm lạ khi đảng lao động quyết tâm triệt hạ Nguyễn Hữu Đang. Nhân vì Thụy An không chịu đi học tập như Nguyễn Hữu Đang, đảng lao động ghép chung hai người trong vụ án gián điệp để bắt giam và đày đọa. Ngoài ra còn có thêm một nhân vật khác nữa, bạn của Nguyễn Hữu Đang, cũng là nạn nhân trong vụ này, đó là Trần Thiếu Bảo, chủ nhà in Minh Đức.

Trần Thiếu Bảo là một tư nhân kinh doanh thành công, vượt xa những công ty quốc doanh, và có thể trở thành một nhà xuất bản cũng như nhà in lớn nhất Hà Nội

Đối với cộng sản, những văn nghệ sĩ và trí thức có thể làm thơ, viết văn hay tham luận sắc bén chống chế độ, nhưng dễ đối phó, vì chỉ cần dẹp diễn đàn là bài họ không thể xuất hiện. Họ có khả năng viết văn, nhưng không có khả năng lãnh đạo, tập hợp quần chúng nên không nguy hiểm. Ngược lại, những người có tư cách lãnh đạo, có thể nói cho người khác nghe theo mình, có thể tập hợp quần chúng, có thể tổ chức thành những đoàn thể cạnh tranh với đảng lao động, là những người nguy hiểm cần phải thanh toán ngay. Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiều Bảo nằm trong trường hợp này. Còn hai ông Phan Tài và Lê Nguyên Chi tuy không thuộc văn giới, không nổi bật như các ông Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiều Bảo, nhưng lại là những người tiếp tay đắc lực, nên cũng bị kết tội để cảnh cáo để làm gương cho người khác.

2.- TẠI SAO ĐẾN NĂM 1960 MỚI XÉT XỬ ?

Nhân Văn-Giai Phẩm bị đình bản cuối năm 1956, các trí thức và văn nghệ sĩ phải tập trung học tập và bị đấu tố vào năm 1958, nhưng tại sao mãi gần hai năm sau (đầu 1960) mới đưa ra tòa xét xử công khai và kết án nhóm Nguyễn Hữu Đang nặng nề như vậy ? Câu trả lời được nhiều người đưa ra có lẽ là thủ tục hành chính và pháp lý đòi hỏi một thời gian sửa soạn. Thật ra, dưới chế độ độc tài cộng sản, nếu cần xét xử một vấn đề gì khẩn cấp, thì họ đưa ra ngay, chứ chẳng cần phải trải qua thủ tục điều tra đầy đủ như dưới chế độ dân chủ tự do. Ở đây, có hai điểm cần lưu ý:

Thứ nhất, đảng lao động không muốn xem đây là một vụ án văn chương, sẽ bị dư luận dị nghị, nhất là dư luận giới văn nghệ sĩ thế giới. Muốn thế, cần phải chậm đi một thời gian sau vụ đình bản các báo đối kháng năm 1956, những ồn ào sau vụ học tập, đấu tố và đưa các văn nghệ sĩ, trí thức đi lao động vào nửa đầu năm 1958, nghĩa là để cho vụ Nhân Văn-Giai Phẩm chìm đi một thời gian.

Thứ hai, thời gian này tuy cần phải vừa đủ để những dư luận không còn xáo chuyện văn chương nữa, để mọi người xem phiên tòa chỉ là một vấn đề thuần túy an ninh nội bộ, nhưng cũng cần phải vừa phù hợp với những diễn biến chính trị dồn dập của tình hình Việt Nam từ 1958 trở đi, khiến cộng sản quyết định tổ chức phiên tòa vào đầu năm 1960.

Hiệp định Genève hay hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ký kết ngày 20.7.1954 tại Genève, tạm thời chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở phía Bắc và Quốc Gia Việt Nam ở phía Nam. Hiệp định này không đề cập đến tương lai chính trị Việt Nam. Giải pháp chính trị nằm ở điều 7 của bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội Nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương” ngày 21.7.1954, theo đó một “cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7.1956 dưới sự kiểm soát của một Ban Quốc Tế gồm đại biểu những nước có chân trong Ban Giám Sát và Kiểm Soát Quốc Tế đã nói trong Hiệp định đình chỉ chiến sự. Kể từ ngày 20.7.1955 những nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó.” (38) Cần lưu ý là không một

Đại diện chính phủ Quốc Gia Việt Nam không ký vào hiệp định đình chiến (20.7.1954), cũng không ký vào bản tuyên bố cuối cùng (21.7.1954) và đưa ra tuyên ngôn riêng ngày 21.7.1954 phản đối hiệp định. Tuy nhiên, chính phủ Quốc Gia Việt Nam vẫn thi hành việc chia hai nước Việt Nam theo thỏa thuận quốc tế.

Dựa vào điều 7 của bản tuyên bố ngày 21.7.1954, Thủ Tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là Phạm văn Đồng gửi thư ngày 19.7.1955, cho Thủ Tướng Quốc Gia Việt Nam là Ngô Đình Diệm, yêu cầu mở hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20.7.1955. Ngày 10.8.1955, Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị của Phạm văn Đồng, dựa vào lý do rằng chính phủ miền Nam không ký vào Hiệp định Genève và nhất là vì không có bằng chứng nào cho thấy Bắc Việt đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi quốc tế cộng sản. Tuy chính phủ miền Nam nhiều lần từ chối, Phạm văn Đồng vẫn nhắc lại đề nghị này hàng năm vào các ngày 11.5.1956, 18.7.1957, và 7.3.1958 để tuyên truyền với quốc tế. Lần cuối, Ngô Đình Diệm, lúc đó là Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, bác bỏ đề nghị trên vào ngày 26.4.1958.

Vào cuối năm 1958, Lê Duẩn được bí mật gửi vào miền Nam. Khi trở ra Bắc vào cuối năm này, Lê Duẩn viết bản báo cáo đề nghị đánh chiếm miền Nam bằng võ lực. Chính bản báo cáo này là nền tảng của quyết định quan trọng của hội nghị trung ương đảng lao động lần thứ 15 tại Hà Nội.

Tại hội nghị này, ngày 13.5.1959, ban chấp hành trung ương đảng lao động đưa ra nghị quyết thống nhất đất nước (tức đánh chiếm miền Nam bằng võ lực) và đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. (Nghị quyết đảng trên nhân dân ngày 14.5.1959). Dĩ nhiên các văn nghệ sĩ cũng như toàn thể đảng viên cán bộ và dân chúng Bắc Việt đều phải học tập nghị quyết này. Đó là điều đã được nhấn mạnh trong nghị quyết chấn chỉnh công tác văn nghệ ngày 6.1.1958 do Trường Chinh ký.

Chiến thuật chiến tranh thông dụng của cộng sản là du kích chiến. Muốn sử dụng du kích chiến, theo kinh nghiệm của đảng cộng sản Trung Hoa, cần phải có một hậu phương lớn để yểm trợ, tiếp tế khi tấn công, đồng thời để rút lui, dưỡng quân khi cần. Sau khi đảng cộng sản Trung Hoa chiếm được toàn thể Hoa lục năm 1949, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã từng là hậu phương lớn của Việt Minh từ năm 1950 đến 1954. Nay Bắc Việt trở thành hậu phương lớn cho du kích quân Việt cộng ở miền Nam. Điều quan trọng nhất là hậu phương phải vững mạnh, ổn định, và kết thành một khối chắc chắn, để không bị tình trạng lộn xộn, trống đánh xuôi kèn thổi ngược như nước Pháp trong thời chiến tranh 1946-1954. (Sau này Hoa Kỳ lâm phải tình trạng xáo trộn này thời chiến tranh 1954-1975.)

Để đạt được sự ổn định vững vàng ở hậu phương Bắc Việt, đảng lao động liền ra tay dẹp yên hết mọi chống đối, trở ngại. Vụ Cải Cách Ruộng Đất với khoảng 170.000 người bị giết đã làm cho nông thôn run sợ. Nhà nước cộng sản cần phải ổn định thành thị vừa về kinh tế, vừa về chính trị.

Về chánh trị, từ năm 1954, nhà nước cộng sản Bắc Việt chỉ gặp cuộc phản kháng của những nông dân không vũ khí ở Quỳnh Lưu (Nghệ An) tháng 11.1956 sau vụ Cải Cách Ruộng Đất, và đã dẹp yên ngay bằng sư đoàn 325. (Bernard Fall, *Le Viet Minh*, Paris: Max Leclerc et Compagnie, 1960, trang 289.) Sau đó lại xảy ra vụ "Nhân Văn-Giai Phẩm" ở Hà Nội năm 1956. Giới văn nghệ sĩ bị đàn áp dễ dàng, không cho ra sách báo thì hết cách viết, và phân tán mỏng, gửi đi học tập lao động ở nông thôn thì hết gặp gỡ thảo luận, bàn tán. Tuy nhiên, vấn đề vẫn còn âm ỷ, vì nói như Phan Khôi:

*"Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi.*

*Làm chi cũng chẳng làm chi
Đầu có làm gì cũng chẳng làm sao.”*
(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 58)

Dầu không còn điều kiện để sáng tác, nhưng trí óc của người văn nghệ sĩ hay trí thức vẫn là một lãnh vực riêng tư mà đảng không thể nào kiểm soát được. Do đó, phải có một hành động thật cương quyết cứng rắn và mãnh liệt phủ đầu, mới có thể làm cho giới trí thức và cầm bút khiếp đảm tê liệt, từ đó im hơi lặng tiếng luôn. Đòn phủ đầu này phải nhắm ngay vào những tay cứng cổ, khó bảo mà lại có khả năng tập hợp quần chúng và không chịu học tập chính huấn, như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo. Đòn phủ đầu đó chính là kết luận của phiên tòa gọi là xét xử những tội phạm gián điệp ngày 21.1.1960 mà tác giả Georges Boudarel, một đảng viên cộng sản có hai đảng tịch Pháp và Việt Nam, đã cho rằng Nguyễn Hữu Đang đã bị buộc tội gián điệp một cách khó hiểu. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 256.)

Thật ra, chẳng có gì khó hiểu nếu chúng ta đặt vụ án này trong toàn bộ trình tự diễn tiến của thời cuộc những năm từ 1956 trở đi, nhất là việc sửa soạn công cuộc xâm lăng miền Nam của đảng lao động Việt Nam. Sau vụ án ngày 26.1.1960, đại hội 3 đảng lao động tại Hà Nội từ 5 đến 10.9.1960 xác quyết lại một lần nữa hai mục tiêu lớn là tiến lên xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam bằng vũ lực. Để thực hiện hai mục tiêu này, nội bộ đảng lao động được cải tổ. Bỏ chức tổng bí thư, Hồ chí Minh lên làm chủ tịch đảng, còn Lê Duẩn giữ chức bí thư thứ nhất, tức người cựu bí thư trung ương cục miền Nam, kẻ đã thảo ra chương trình đánh chiếm miền Nam, nay chính thức lên địa vị thứ nhì sau Hồ chí Minh, nhưng quyền hành không kém gì họ Hồ. Điều này khiến Lê Duẩn dễ điều động chiến trường miền Nam.

Điểm chốt của việc chuẩn bị, trước khi bước qua giai đoạn tấn công miền Nam là việc thành lập mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 12.12.1960 tại Hà Nội, và mặt trận này chính thức ra mắt vào ngày 20.12.1960 tại chiến khu Dương minh Châu ở Tây Ninh.

Trước đây, cuộc kháng chiến chống Pháp dầu sao lúc đầu vẫn mang ý nghĩa chống ngoại xâm giành độc lập, nên các nhà văn, nhà thơ, giới trí thức đều tự chế, nhịn nhục và cố gắng đoàn kết để đưa cuộc chiến đấu đến thành công. Ngày nay, khi bắt đầu phát động tấn công miền Nam, đảng lao động cũng muốn tái lập tình trạng ổn định như thế, nhưng mục đích chiến tranh lần này thiếu chính nghĩa, chỉ nhắm xâm lăng miền Nam, nên họ lo ngại các trí thức và văn nghệ sĩ sẽ lên tiếng phản đối dưới nhiều hình thức khác nhau khó lường trước được. Điều này sẽ bất lợi cho công cuộc xâm lăng miền Nam. Do đó, đảng lao động quyết dẹp yên mặt trận văn hóa, tạo một không khí hoàn toàn yên tĩnh ở Bắc Việt, khỏi có ai than phiền về việc đưa quân vào Nam, chẳng có ai thắc mắc về lý do chiến đấu, về cuộc sống quân ngũ, về “nỗi buồn chiến tranh”, về những đau khổ mất mát ly tan của những gia đình có người ra đi mà không biết ngày trở lại, cũng không biết sống chết phương trời nào ở ngoài chiến trường.

Đúng như đảng lao động dự tính, đòn phủ đầu trên đây rất có hiệu quả. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã tự thổ lộ sau năm 1975: “Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nhện ? Hèn, hèn chứ ? Nhà văn nước mình trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn ? Cái sợ nó làm cho mình hèn.” (39) Nguyễn Minh Châu còn mô tả tâm sự của Nguyễn Tuân, một tác giả nổi tiếng phóng khoáng một thời: “Một nhà văn đàn anh [Nguyễn Tuân] nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: “Tao còn sống đến bây giờ là còn biết sợ!”. Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giương, nước mắt tuôn lả chả, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng”. (40) Hơn ba

Những dòng tâm sự cay đắng này càng làm nổi bật lý do vì sao đảng lao động cần phải tiêu diệt những người can đảm như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo. Chẳng những thế, việc kết án nhóm này còn làm cạn kiệt luôn chút niềm tin còn sót lại nơi một số văn nghệ sĩ vào chế độ cộng sản. Họ hết kêu ca, than vãn, đòi hỏi cời trối văn nghệ, mà phải chấp nhận thực tại trước mắt của họ, im hơi lặng tiếng, cúi đầu vâng phục chế độ, nếu họ muốn sinh tồn.

3.- CHỦ TRƯỞNG VĂN NGHỆ KINH ĐIỂN CỦA CỘNG SẢN

Thế là trong thời gian chiến tranh ở miền Nam từ 1960 trở đi, tình hình văn học nghệ thuật và báo chí Bắc Việt hoàn toàn trong lành, yên tĩnh. Các tác phẩm phát hành sau năm 1960 rất hiền lành, ngoan ngoãn. “Hầu hết những tác phẩm xuất hiện trong giai đoạn này đều tập trung trong ba chủ đề chính: Thương nhớ miền Nam, ca ngợi sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, và tỏ lòng biết ơn vô tận của mình trước công ơn tái sinh của cách mạng.” (Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 166)

Ba chủ đề này đều nhằm phục vụ cho kế hoạch xâm lăng miền Nam. Cộng sản đã đặc biệt khai thác nỗi nhớ quê hương của những người tập kết, lên án cũng như vu khống chế độ miền Nam, nhằm gây căm thù và đốc thúc dân chúng miền Bắc hăng hái tham gia công cuộc giải phóng miền Nam khỏi sự “kềm kẹp của Mỹ Ngụy”, thống nhất đất nước bằng vũ lực. Năm 1960, báo thống nhất, Hà Nội mở hai cuộc thi viết về đề tài miền Nam. Những tác phẩm trúng giải được in trong hai quyển sách nhan đề Con đường phía trước và Má Năm Cần Thơ.

(Nguyễn Hưng Quốc sách đã dẫn, trang 168).

Nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội còn thay thế nền văn chương phản kháng của Nhân Văn-Giai Phẩm bằng nền văn chương chiến đấu, phục vụ chiến trường như câu hai câu thơ: “Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong.” (42) Cần chú ý rằng hai câu thơ này nằm trong một bài tứ tuyệt vào cuối sách Ngục trung nhật ký được phát hành năm 1960. Thời điểm xuất hiện bài thơ (1960) và cách sắp đặt bài thơ cuối sách Ngục trung nhật ký cũng là một dụng ý của cộng sản, như là một tuyên ngôn cho loại thơ chiến đấu. Tất cả những gì không ích lợi cho cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam đều bị dẹp bỏ, không được in ấn. Tố Hữu đã phụ họa theo: “Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ, / Hơn nghìn trang giấy luận văn chương.” Kết quả của nền văn chương thực dụng này rất khả quan, đến nỗi Xuân Quỳnh đã viết: “Em đang tập làm thơ có ích”. (Tuyển tập Trăm hoa..., trang 53.)

Tất cả những điều này gây ảo giác cho người bên ngoài Bắc Việt tưởng rằng do sự thành công của chính sách đảng lao động mà mọi người dân Bắc Việt đoàn kết với nhau, một lòng đứng sau lưng nhà nước Hà Nội trong công cuộc tấn công miền Nam, “chống Mỹ cứu nước”. Chính tác giả Nguyễn Minh Cần đã than rằng: “Chế độ miền Nam, tất nhiên là làm rầm rộ lên nhân vụ án này để tuyên truyền mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau này, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin, họ tưởng là sự việc bị bịa đặt ra, chứ làm gì đảng có thể đối xử với trí thức miền Bắc tàn tệ đến mức như thế.” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 76-77)

Nhiệm vụ mới của giới văn nghệ sĩ được Trường Chinh, ủy viên bộ chính trị đảng lao động, chủ tịch ủy ban thường vụ quốc hội (từ ngày 7.7.1960), quy định

trong bài “Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa” đọc trước đại hội văn nghệ Bắc Việt năm 1962:

“Văn nghệ sĩ phải thừa nhận rằng văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ đường lối chính sách của đảng. Văn nghệ sĩ phải trung thành với lý tưởng cộng sản và đấu tranh không mệt mỏi cho chủ nghĩa xã hội. Văn nghệ sĩ bằng hoạt động văn nghệ và hoạt động xã hội của mình cần luôn luôn phấn đấu để tăng cường sự lãnh đạo của đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với đảng, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin...” (Tuyển Tập Trăm Hoa..., trang 24.)

Tình hình văn nghệ Bắc Việt lúc đó hoàn toàn khác hẳn với miền Nam tự do. Trong lúc phải chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc, văn nghệ sĩ miền Nam được tự do sáng tác theo tình tự của con người, nên bên cạnh những tác phẩm chiến đấu, lại xuất hiện nhiều bài bình luận chính trị chống đối chính quyền, nhiều văn thơ và nhất là ca nhạc thờ than ủy mị. Từ sự ủy mị này, nhiều tác phẩm phản chiến xuất hiện, làm xói mòn và sa sút rất nhiều tinh thần chiến đấu của chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Dĩ nhiên Việt cộng không bỏ qua cơ hội lợi dụng quyền tự do sáng tác để gây nhiễu xạ hình ảnh, làm rối loạn và băng hoại xã hội miền Nam. Tuy nhiên, chính sự tự do sáng tác tạo nên một khác biệt lớn lao giữa chế độ miền Nam theo chủ nghĩa dân tộc với chế độ miền Bắc theo lý thuyết cộng sản ngoài lai.

KẾT LUẬN

Ngay từ đầu, báo Nhân Văn khẳng định lập trường theo đảng lao động, chứ không phải mở phong trào văn học hay chính trị gì mới. Những bài báo Nhân Văn-Giai Phẩm nhắm xây dựng lại xã hội miền Bắc bằng cách phê phán nền hành chánh quan liêu, tình trạng xã hội tệ hại sau vụ Cải Cách Ruộng Đất, và nhất là phản đối những trói buộc gắt gao đối với anh em văn nghệ sĩ và trí thức trong thời bình. Họ đòi hỏi thực thi dân chủ, tôn trọng luật pháp và tự do sáng tác trong khuôn khổ chế độ cộng sản. Những phản kháng này ôn hòa, chỉ giới hạn trong phạm vi báo chí, văn chương, và chỉ nhắm vào những vấn đề có tính cách quản lý xã hội và văn hóa, chứ không liên quan đến chủ trương hay ý thức hệ chính trị. Đôi khi những bài viết khá gay gắt nhưng hoàn toàn không mang một hành động bạo loạn nào.

Có thể giới văn nghệ sĩ và trí thức lúc đó vẫn còn giữ lòng tin với những người vừa mới lãnh đạo họ trên con đường kháng chiến chống Pháp, và lòng tin vào lý thuyết cộng sản hứa hẹn một xã hội không có bất công, không có cảnh người bóc lột người, nên mới lên tiếng để sửa đổi và xây dựng xã hội mới. Dầu sao, họ đã tỏ ra hết sức can đảm khi dấn thân phản kháng và đòi hỏi cởi trói văn nghệ. Biết rằng đàn áp tù đầy đang chờ đón họ, nhưng họ vẫn cương quyết cùng nhau tiến lên. Một điểm đáng quý là dù đã bị đày đọa một thời gian dài, đến tận cùng nỗi thống khổ của kiếp nhân sinh, nhiều người vẫn giữ khí tiết, lòng can đảm, và óc sáng tạo cho đến cuối đời. Họ đã sống đúng như Phùng Quán đã viết:

“Tôi muốn làm nhà văn chân thật

Chân thật trọn đời

Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi

Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã

Bút giấy tôi ai cướp giật đi

Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.”

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 121)

Những phản kháng của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm thách đố tính lãnh đạo độc tài độc tôn của guồng máy cai trị của đảng lao động, đã đụng phải vách tường nhân sự quan liêu, tham quyền cố vị. Sau thời gian đầu tìm hiểu tình hình, đảng này đã vũ lộng quyền uy, triệt tiêu ngay tức khắc mọi phản kháng từ mọi phía. Để giữ sự

ồn cổ chính trị tuyệt đối ở Bắc Việt nhằm tiến hành chiến tranh xâm lăng miền Nam, đảng lao động đã nguy tạo vụ án gián điệp, xét xử những người can đảm đến độ liều lĩnh là Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo. Đảng này quyết gây khiếp đảm đối với giới trí thức và văn nghệ sĩ, như họ đã từng làm khiếp đảm giới nông dân bằng Cuộc cải cách ruộng đất.

Đảng lao động đã thẳng tay hy sinh cả một thế hệ văn nghệ sĩ và trí thức tài hoa cho mục tiêu chính trị của đảng trong đường lối bành trướng của quốc tế cộng sản và cho tham vọng cá nhân của một số nhà lãnh đạo. Những người phản kháng bị đàn áp, tù đày, nghi ngờ, theo dõi và chằm dút sáng tác đã đành, những người theo làm tay sai cho đảng cũng không thể sáng tác được gì ngoài những văn thơ cổ động theo công thức đã định sẵn. “Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo...” (lời của thi sĩ Hoàng Huế, đã dẫn).

Những Thi Sĩ một thời nổi tiếng tài hoa như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, những văn sĩ đã từng nổi danh trước đây như Nguyễn Tuân, Nguyễn đình Thi, đều được coi như tên tuổi đã chết khi họ còn sống. Ngày nay, nếu có nhắc đến Xuân Diệu, người ta chỉ nhớ những bài thơ trữ tình của ông trước năm 1945, chứ không ai nói đến những bài ông viết sau năm 1945, dù mãi đến năm 1985 ông mới từ trần. Cũng thế, với Nguyễn Tuân, người ta ca tụng Vang Bóng Một Thời (xuất bản năm 1940), hay Chiếc Lư Đồng Mắt Cua (xuất bản năm 1941) chứ không ai biết sau năm 1945, ông đã viết những gì, dù ông từ trần năm 1987.

Theo Nhạc Sĩ Văn Cao, một trong những nạn nhân trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, tác giả chính của cuộc đấu tố Nhân Văn-Giai Phẩm là Trường Chinh. Sau đây là lời Văn Cao: “Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân Văn-Giai Phẩm nổ ra là bởi Nhân Văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhảm hết. Longue Marche [chữ Pháp: Trường Chinh] mới là kẻ sáng tác ra Nhân Văn-Giai Phẩm. Để chạy tội Cải Cách Ruộng Đất. Để tạo ra cái hố rác mà trút mọi tội lỗi của lúy [lui (chữ Pháp): nó] vào đấy. Chính Longue Marche chứ không ai khác. Đừng tước bản quyền của lúy, tội nghiệp!”. (43)

Dầu Trường Chinh, hay Tố Hữu, hay một người nào khác, đều phải thi hành đường lối chính sách do đảng lao động đề ra. Không thể nói Hồ chí Minh, hay Võ nguyên Giáp, Phạm văn Đồng, Lê Duẩn, Lê đức Thọ không biết gì về Cuộc Cải Cách Ruộng Đất hay Nhân Văn- Giai Phẩm. Tất cả đều biết, đều nắm rõ vấn đề, và đều cùng nhau đẩy cỗ xe cộng sản do một người nào đó, đại diện tập đoàn lãnh đạo, cầm lái theo từng giai đoạn, tiến đến cùng đích của tập thể độc tài đảng trị.

Cuối cùng, Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm cho thấy không thể có tự do văn hóa, tự do báo chí hay tự do tư tưởng dưới chế độ cộng sản. Ông Nguyễn Văn Trấn, một nhân vật cộng sản cao cấp ở miền Nam, đã từng làm vụ trưởng khoa giáo trung ương do Tố Hữu làm bí thư, có kể câu chuyện rằng khi một nhà báo hỏi: “Như vậy là cách mạng đã cấm tự do ngôn luận ? Ông Trường Chinh sửng sốt: Anh nói sao ? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 275).

Dưới chế độ cộng sản, cũng không thể có chuyện góp ý, hay phê bình xây dựng theo chiều hướng nhân văn, dân chủ, dù vẫn nằm trong khuôn khổ cộng sản. Đảng lao động (cải danh thành đảng cộng sản vào cuối năm 1976) đòi hỏi phải tuân thủ tuyệt đối uy quyền độc tôn và chính sách độc tài của đảng, nếu không muốn bị thẳng tay triệt hạ, đúng như Hồ chí Minh đã nói: “...Tất cả những ai không theo đường lối của tôi đều sẽ bị bẻ gãy...” (44) Từ đó mới nảy sinh ra vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm” trên đây, “Vụ án chống đảng” trong thập niên 60, và các vấn đề khác nữa như vụ Trần Độ, vụ Hà sĩ Phu sau này.

Nói cho cùng, bản chất của chế độ cộng sản là độc tài toàn trị, dối trá mỵ dân. Bản chất của văn nghệ sĩ chân chính là thích tự do và yêu chân lý. Chế độ cộng sản và văn nghệ sĩ chân chính là hai đối cực tương khắc và không bao giờ có thể tương sinh, không bao giờ có thể đồng hành. Các văn nghệ sĩ chân chính cảm nhận sự thống khổ của quần chúng, nói lên tiếng nói đau thương của quần chúng, là tiếng nói đối kháng với chế độ độc tài cộng sản. Ngược lại, đảng cộng sản luôn luôn tìm cách triệt tiêu văn nghệ sĩ chân chính, để chặn đứng ngay từ đầu mọi mầm mống đối kháng, nhằm áp đặt quyền lực tuyệt đối của đảng cộng sản. Trong cuộc đối đầu này, bao giờ bạo quyền cộng sản cũng thắng thế, nhờ súng ống và nhà tù, nhưng về lâu về dài, văn nghệ sĩ chân chính là những chứng nhân trước lịch sử, tố cáo đầy đủ và rõ ràng tính chất độc tài phi nhân của chế độ. Lịch sử luôn luôn đứng về phía chân lý. Nhân văn và Giai phẩm ở Hà Nội năm 1956 là một trường hợp điển hình.

TRẦN GIA PHỤNG

CHÚ THÍCH

35.- Bùi Diễm, Gọng Kim Lịch Sử, Hồi Ký Chính Trị, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, Paris, 2000, từ trang 85-88.

36.- Theo lời kể của Thẩm Phán Nguyễn Hữu Thứ (ở Toronto), người đã tận mắt đọc hồ sơ về vụ bà Thụy An, được chuyển từ tòa thượng thẩm Hà Nội vào tòa thượng thẩm Huế. Giáo Sư Thứ kể rằng khi đến Hải Phòng để đưa xuống tàu vào Nam, bà Thụy An xin phép người áp tải đi đường, cho bà đi vệ sinh, rồi bà trở nóc nhà vệ sinh trốn mất.

37.- Theo lời Hữu Loan, Trần Thiếu Bảo bị 17 năm tù như Nguyễn Hữu Đang, nhưng các tài liệu khác nói rằng Nguyễn Hữu Đang và Thụy An, mỗi người 15 năm, còn Trần Thiếu Bảo chỉ bị 10 năm mà thôi.

38.- Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường, Đông Dương 1945-1973, Sài Gòn: Nhà xuất bản Trinh Bầy, 1973, trang 51.

39.- Nhiều tác giả, tuyển tập Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương, California: Nhà xuất bản Lê Trần, 1990, trang 79.

40.- Tuyển tập Trăm Hoa..., bài của Thân Trọng Mẫn: "Từ Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm đến Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng 1986-1989", trang 20.

41.- Bửu Tiến, "Xin Tạ Tội Với Tự Do Dân Chủ", tuyển tập Trăm Hoa...trang 374.

42.- Nguyên văn bài thơ "Khán "Thiên Gia Thi" hữu cảm", trích trong Ngục trung nhật ký, bằng chữ Nho như sau: "Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ/ Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong/ Hiện đại thi trung ưng hữu thiết/ Thi gia dã yếu hội xung phong." Nam Trân dịch [1960]: "Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp / Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông, / Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong." (Cảnh Nguyên và Hồ Văn Sơn tuyển chọn, Thơ Hồ chí Minh, nhà xuất bản Nghệ An, 1995, từ trang 468-469.) Lê Hữu Mục dịch: "Thơ xưa riêng chuộng thiên nhiên đẹp, / Mây gió, trăng hoa, tuyết núi sông. / Nay ở trong thơ nên có sắt, / Thi gia cũng phải khéo xung phong." (Lê Hữu Mục, Hồ chí Minh Không Phải Là Tác Giả Ngục Trung Nhật Ký, Văn Bút Hải Ngoại, 1990, trang 154.)

43.- Vũ Thư Hiên, Đêm Giữa Ban Ngày (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị), Nhà xuất bản, Văn Nghệ, California, 1997, trang 541.

44.- Jean Lacouture, Hồ chí Minh, Peter Wiles dịch từ tiếng Pháp qua tiếng Anh, Harmondsworth: Nhà xuất bản Penguin Books, 1969, p. 130. Nguyên văn: "All those who do not follow the line which I have laid down will be broken." Linh Mục Cao Văn Luận, trong sách Bên Giòng Lịch Sử Việt Nam, 1940-1975, Tantu Research, Sacramento, California, 1983, từ trang 60-61, có tường thuật lại đầy đủ buổi tiếp tân ngày 25.6.1946 tại Paris, trong đó Hồ chí Minh phát biểu ý kiến trên đây. Lúc đó, Hồ

chí Minh qua Pháp theo phái đoàn Việt Nam do Phạm văn Đồng dẫn đầu, tham dự hội nghị Fontainebleau. Trong cuộc tiếp tân này, có một số người Việt tham dự, trong đó có Linh Mục Cao Văn Luận.